

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thu Hương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thu Hương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang**

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thu Hương

Mã SV: 1213401045

Lớp: QTL 601K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin
 - Đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin, sử dụng số liệu năm 2013
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin
 - Địa chỉ: Số 1 phố Tân Lập – phường Hà Lâm – thành phố Hạ Long – tỉnh Quảng Ninh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu Trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Có ý thức trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp.
 - Có tinh thần ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn.
 - Đảm bảo thời gian thực hiện đúng tiến độ qui định.
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Khóa luận được trình bày trong 99 trang A4 (kể cả bảng biểu), có kết cấu hợp lý và logic, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ đề tài đặt ra.
 - Chương 1, tác giả đã hệ thống khá đầy đủ, chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung nghiên cứu của đề tài.
 - Chương 2, tác giả đi sâu mô tả thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin với số liệu năm 2013.
 - Chương 3, tác giả đã có những đánh giá tương đối khách qua về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp phù hợp với phạm vi đề tài và thực tế của doanh nghiệp có tính khả thi.
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**
 - Điểm số:.....
 - Điểm chữ:.....điểm.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Ninh Thị Thùy Trang

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP. 2	
1.1. TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1.1. Khái niệm doanh thu, thu nhập khác.....	2
1.1.2. Khái niệm và phân loại chi phí	3
1.1.3. Khái niệm và cách xác định kết quả kinh doanh	4
1.2. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	5
1.3. NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	6
1.3.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	6
1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.3.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	13
1.3.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	15
1.3.2. Kế toán chi phí	17
1.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	17
1.3.2.2. Kế toán chi phí bán hàng	19
1.3.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	21
1.3.2.4. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	23
1.3.2.5. Kế toán chi phí khác.....	24
1.3.3. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh	24
1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	26
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	26
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	27
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	27
1.4.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ	28
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN.....	31
2.1.KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	31
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.....	32
2.1.2.1. Các ngành nghề kinh doanh chính.....	32
2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh.....	32
2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	33
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	37
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán, chế độ và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần tan Hà Lâm – Vinacomin.....	39
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN	42
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.....	42
2.2.1.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	42
2.2.1.2. Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán.....	51
2.2.1.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	58
2.2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính.....	66
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác	76
2.2.4. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	83
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN	89
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN.....	89
3.1.1. Đánh giá chung.....	89
3.1.2. Ưu điểm.....	89
3.1.3. Nhược điểm.....	91

3.1.3.1. Về hình thức kế toán.....	91
3.1.3.2. Về hình thức thanh toán.....	91
3.1.3.3. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán.....	91
3.2 SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN.....	91
3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN.....	91
3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	92
3.3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	92
3.3.2.1. Hoàn thiện sổ sách sử dụng	92
3.3.2.2. Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán.....	94
3.3.3.3. Giải pháp để tăng doanh thu, giảm chi phí	97
KẾT LUẬN	98

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu (Bán hàng theo phương thức trực tiếp).....</i>	<i>11</i>
<i>Sơ đồ 1.2. Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp</i>	<i>11</i>
<i>Sơ đồ 1.3. Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ.....</i>	<i>12</i>
<i>Sơ đồ 1.4. Kế toán bán hàng thông qua đại lý (đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng)</i>	<i>12</i>
<i>Sơ đồ 1.5. Kế toán chiết khấu thương mại.....</i>	<i>12</i>
<i>Sơ đồ 1.6. Kế toán hàng bán bị trả lại.....</i>	<i>13</i>
<i>Sơ đồ 1.7. Kế toán giảm giá hàng bán.....</i>	<i>13</i>
<i>Sơ đồ 1.8. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>14</i>
<i>Sơ đồ 1.9. Kế toán thu nhập khác.....</i>	<i>16</i>
<i>Sơ đồ 1.10a. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên</i>	<i>18</i>
<i>Sơ đồ 1.10b. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....</i>	<i>19</i>
<i>Sơ đồ 1.11. Kế toán chi phí bán hàng</i>	<i>20</i>
<i>Sơ đồ 1.12. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....</i>	<i>22</i>
<i>Sơ đồ 1.13. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....</i>	<i>23</i>
<i>Sơ đồ 1.14. Kế toán chi phí khác</i>	<i>24</i>
<i>Sơ đồ 1.15. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>25</i>
<i>Sơ đồ 1.16. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.....</i>	<i>26</i>
<i>Sơ đồ 1.17. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – sổ cái.....</i>	<i>27</i>
<i>Sơ đồ 1.18. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.....</i>	<i>28</i>
<i>Sơ đồ 1.19. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – chứng từ.....</i>	<i>29</i>
<i>Sơ đồ 1.20. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính.....</i>	<i>30</i>
<i>Sơ đồ 2.1. Tổ chức phòng kế toán công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin.....</i>	<i>37</i>
<i>Sơ đồ 2.2. Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chứng từ tại công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin.....</i>	<i>41</i>
<i>Sơ đồ 2.3. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>43</i>
<i>Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán.....</i>	<i>51</i>
<i>Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....</i>	<i>58</i>
<i>Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính</i>	<i>66</i>
<i>Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác</i>	<i>76</i>
<i>Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>83</i>

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1.1. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG	45
Biểu số 2.1.2. SỔ CHI TIẾT TK 131.....	46
Biểu số 2.1.3. BẢNG KÊ SỐ 11	47
Biểu số 2.1.4. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8.....	48
Biểu số 2.1.5. SỔ CÁI TK 131	49
Biểu số 2.1.6. SỔ CÁI TK 511	50
Biểu số 2.1.7. PHIẾU XUẤT KHO	53
Biểu số 2.1.8. SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN	54
Biểu số 2.1.9. BẢNG KÊ SỐ 8.....	55
Biểu số 2.1.10. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8.....	56
Biểu số 2.1.11. SỔ CÁI TK 632	57
Biểu số 2.1.12. SỔ CHI TIẾT TK 641.....	60
Biểu số 2.1.13. SỔ CHI TIẾT TK 642.....	60
Biểu số 2.1.14. BẢNG KÊ SỐ 5	62
Biểu số 2.1.15. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8.....	63
Biểu số 2.1.16. SỔ CÁI TK 641	64
Biểu số 2.1.17. SỔ CÁI TK 642	65
Biểu số 2.2.1. GIẤY BÁO CÓ.....	68
Biểu số 2.2.2. BẢNG KÊ SỐ 2	69
Biểu số 2.2.3. BẢNG KÊ CHI TIẾT TK 515	70
Biểu số 2.2.4. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8.....	71
Biểu số 2.2.5. SỔ CÁI TK 515	72
Biểu số 2.2.6. GIẤY BÁO NỢ	73
Biểu số 2.2.7. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2.....	73
Biểu số 2.2.8. BẢNG KÊ CHI TIẾT TK 635	74
Biểu số 2.2.9. SỔ CÁI TK 635	75
Biểu số 2.3.1. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG	78
Biểu số 2.3.2. GIẤY BÁO CÓ.....	79
Biểu số 2.3.3. BẢNG KÊ SỐ 2	80
Biểu số 2.3.4. SỔ CÁI TK 711	81
Biểu số 2.3.5. SỔ CÁI TK 811	82
Biểu số 2.4.1 NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8.....	85
Biểu số 2.4.2. SỔ CÁI TK 821	86
Biểu số 2.4.3. SỔ CÁI TK 911	87
Biểu số 2.4.4. SỔ CÁI TK 421	88
Biểu số 3.3. SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG THEO MẶT HÀNG	93

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam đang từng bước hội nhập vào nền kinh tế quốc tế, khi nền kinh tế thị trường đang trên đà phát triển, các mối quan hệ nảy sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh ngày càng trở nên phong phú và phức tạp, tạo ra sự cạnh tranh, thách thức đồng thời cũng tạo ra những điều kiện tiền đề, thời cơ mới.

Do đó, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng tìm mọi biện pháp để nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ để có thể thu được lợi nhuận tối đa. Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư, các tổ chức tài chính,... Các thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin”**.

Khoá luận gồm 3 chương:

Chương 1: *Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*

Chương 2: *Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin*

Chương 3: *Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin*

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo khoa kế toán - kiểm toán Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, đặc biệt là GV – Th.S Ninh Thị Thùy Trang đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khoá luận này. Em cũng xin cảm ơn ban lãnh đạo và cán bộ phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm doanh thu, thu nhập khác

- **Khái niệm doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Các loại doanh thu**

✓ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu:*

- *Doanh thu bán hàng:* Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hoá mua vào, bán bất động sản đầu tư góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ:* là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ:* là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn....

- Các khoản giảm trừ doanh thu:

Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với số lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

+ *Giảm giá hàng bán:* Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...

+ *Hàng bán bị trả lại*: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận thanh toán) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết, không phù hợp với các tiêu chuẩn, quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại... Tương ứng với hàng bán bị trả lại là giá vốn hàng bán bị trả lại cùng với thuế GTGT đầu ra phải nộp cho hàng bán bị trả lại.

✓ *Doanh thu hoạt động tài chính*: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng...

✓ *Thu nhập khác*: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán ngoài doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính.

1.1.2. Khái niệm và phân loại chi phí

• **Khái niệm**

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định

• **Phân loại chi phí**

✓ *Giá vốn hàng bán*: Là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, hoặc giá thành sản xuất (đối với doanh nghiệp sản xuất), giá thành sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo

phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

✓ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí có liên quan chung tới toàn bộ hoạt động quản lý kinh doanh điều hành chung của doanh nghiệp.

✓ **Chi phí hoạt động tài chính:**

Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí lãi vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh lợi tức, tiền bản quyền... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền hoặc tương đương tiền.

✓ **Chi phí khác:** Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

✓ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thu nhập doanh nghiệp.

- Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

1.1.3. Khái niệm và cách xác định kết quả kinh doanh

• **Khái niệm kết quả kinh doanh:** Là số chênh lệch cuối cùng của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với toàn bộ chi phí hoạt động đã thực hiện được biểu hiện dưới chỉ tiêu lỗ hoặc lãi. Hay nói cách khác kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu được xác định bằng cách lấy tổng thu từ các hoạt động mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ trừ (-) đi tổng chi phí liên quan tới hoạt động đó.

✓ **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

✓ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ **Hoạt động khác:** là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

• **Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động**

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$
$$\begin{array}{l} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động tài chính:*

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí tài} \\ \text{chính} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động khác:*

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

1.2. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

• **Nhiệm vụ của kế toán doanh thu**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo mọi hoạt động sản xuất của doanh nghiệp cũng như các hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất... Vì vậy kế toán doanh thu phải hoàn thành tốt các nhiệm vụ sau:

✓ Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ các khoản thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

✓ Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

✓ Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hoá. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hoá bán ra.

• **Nhiệm vụ của kế toán chi phí:**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- ✓ Căn cứ quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.
- ✓ Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- ✓ Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí cho hợp lý.
- **Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh**
- ✓ Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.
- ✓ Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định quản trị.
- ✓ Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá.

1.3. NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác

1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng**

Theo chuẩn mực số 14 (Ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ- BTC) thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao đổi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được các phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
 - **Các phương thức bán hàng**
 - *Phương thức bán hàng trực tiếp*: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán với người bàn giao.
 - *Phương thức chuyển giao theo hợp đồng*: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.
 - *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.
 - *Phương thức trả chậm, trả góp*: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.
 - *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hoá không tương tự.
 - *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, 1 tập đoàn, 1 xí nghiệp....
 - **Các phương thức thanh toán chủ yếu**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Thanh toán trực tiếp*: Là hình thức thanh toán bằng tiền mặt được thực hiện giữa người mua và người bán.

- *Thanh toán gián tiếp*: là hình thức thanh toán bằng cách chuyển tiền từ tài khoản của công ty hay bù trừ công nợ giữa các đơn vị thông qua cơ quan trung gian là ngân hàng, ngân hàng là trung tâm thanh toán không dùng tiền mặt.

- **Quy trình hạch toán**

- ✓ *Chứng từ sử dụng*:

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, giấy báo có...)

- ✓ *Tài khoản sử dụng*:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Thuế TTĐB, thuế XK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ - Số thuế GTGT phải nộp của DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ. - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 511 không có số dư cuối kỳ

- TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ
- Tài khoản này có kết cấu như sau:

Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán - Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm - Số thuế GTGT phải nộp của DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 512 không có số dư cuối kỳ

- + TK 521: Chiết khấu thương mại.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết cấu TK 521 như sau:

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

+ TK 531: Hàng bán bị trả lại. Kết cấu TK 531 như sau:

Nợ	TK 531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ doanh thu của hàng bán bị trả lại sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

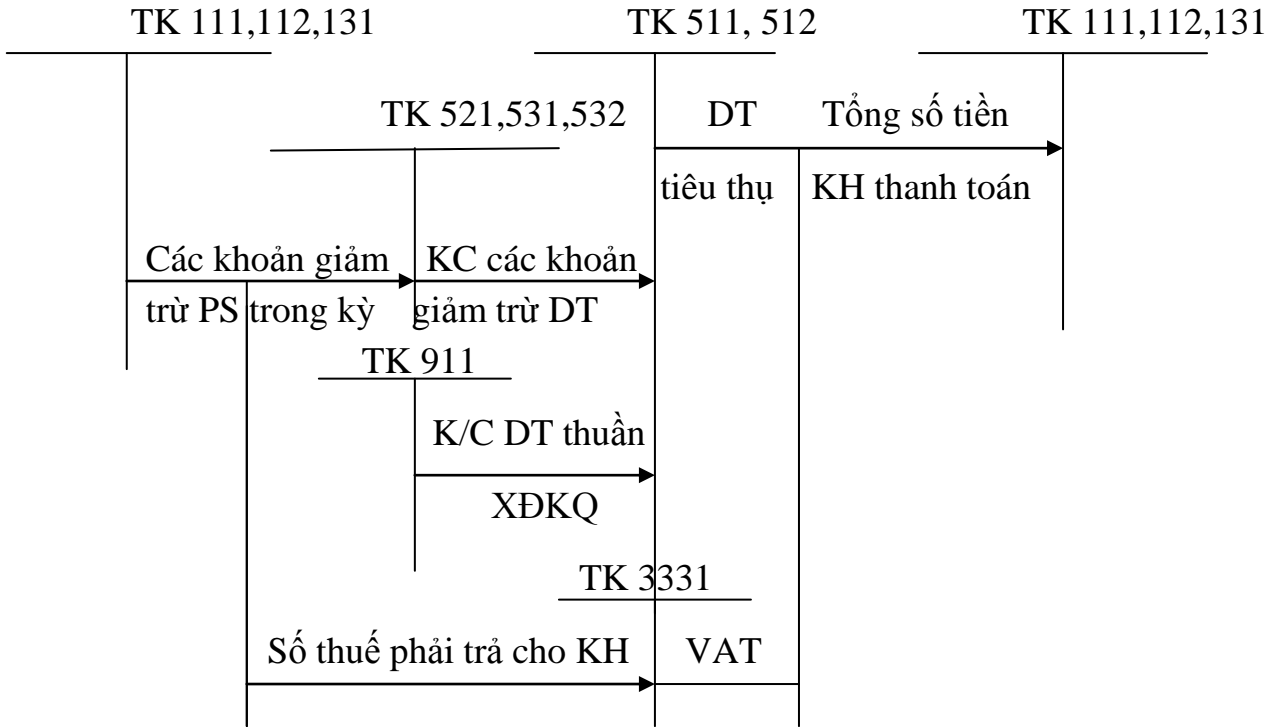
+ TK 532: Giảm giá hàng bán. Kết cấu TK 532 như sau:

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy định trong hợp đồng kinh tế.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

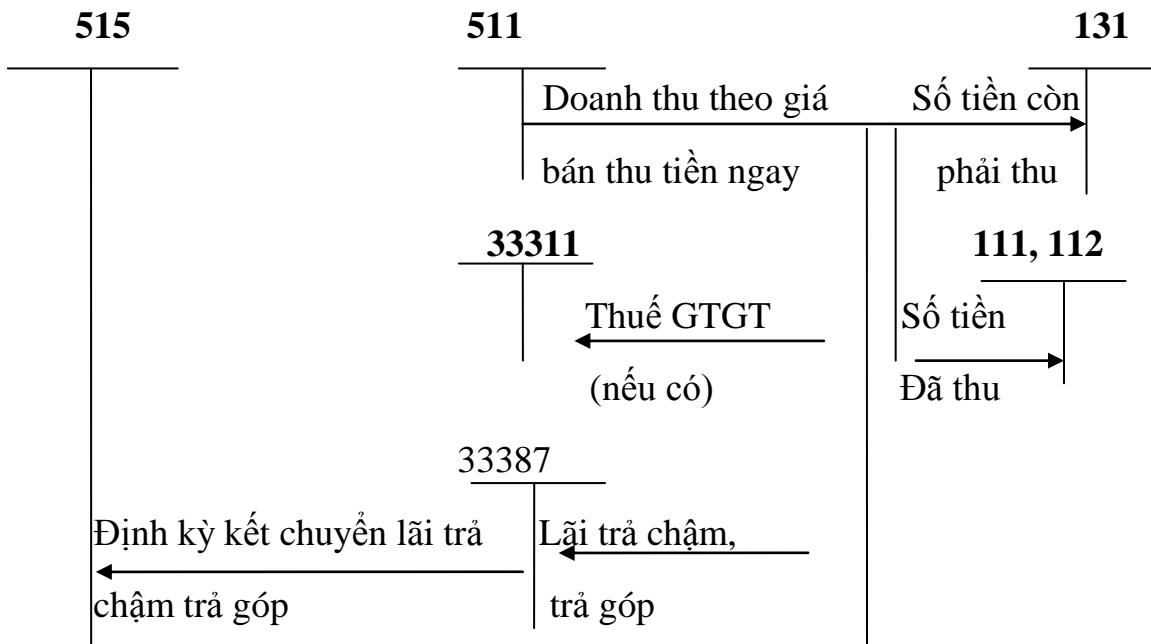
TK 532 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu (Bán hàng theo phương pháp trực tiếp)

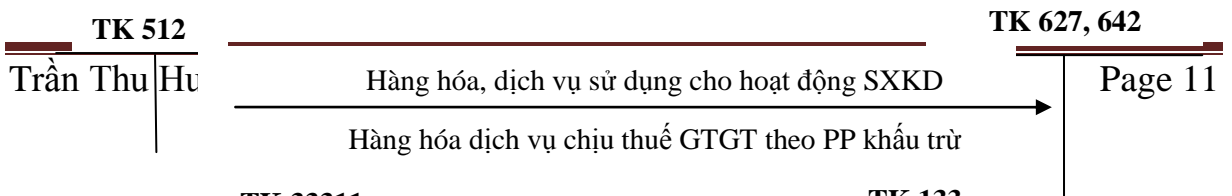
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



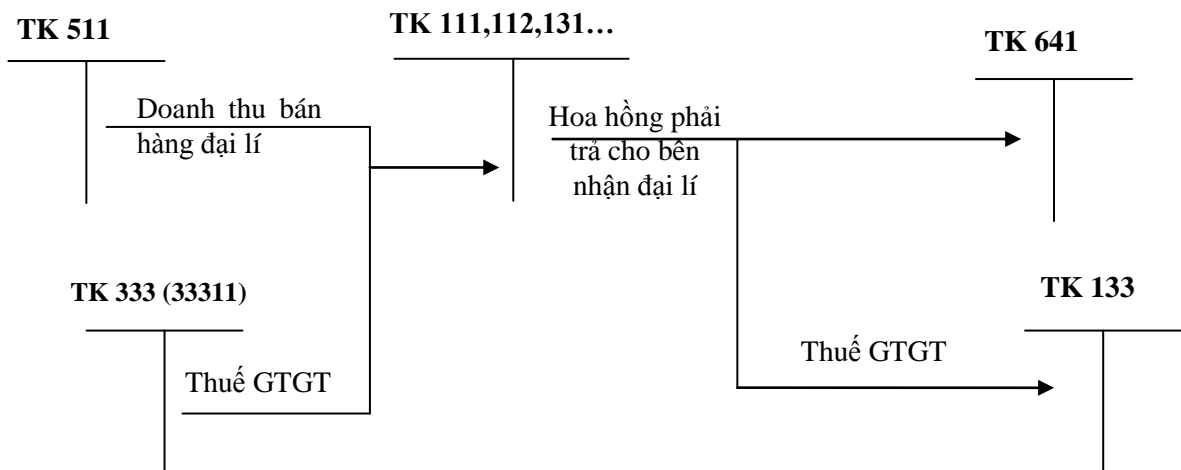
Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp



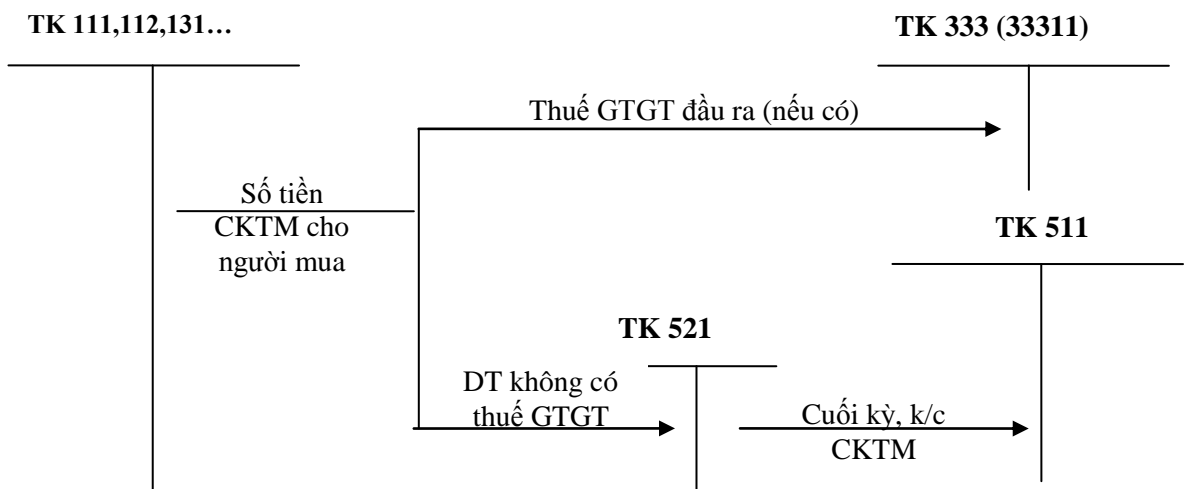
Sơ đồ 1.3. Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



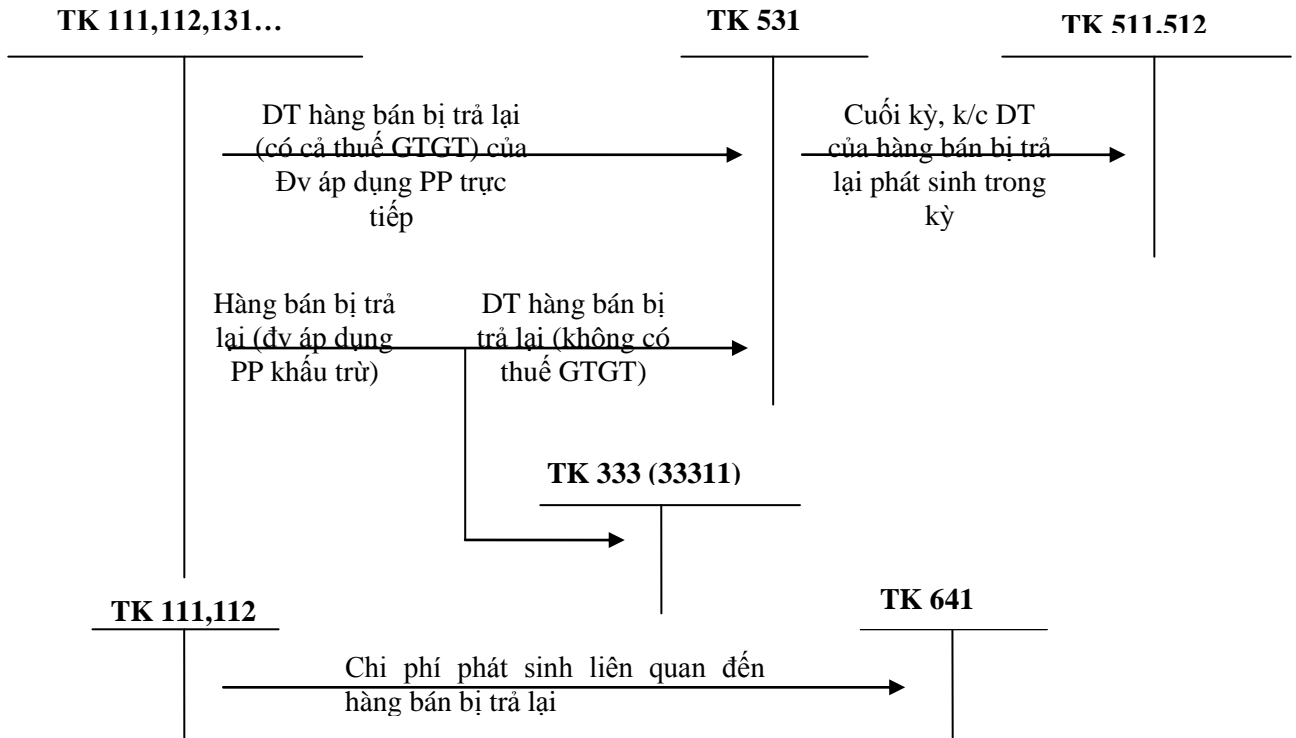
Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng thông qua đại (đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng)



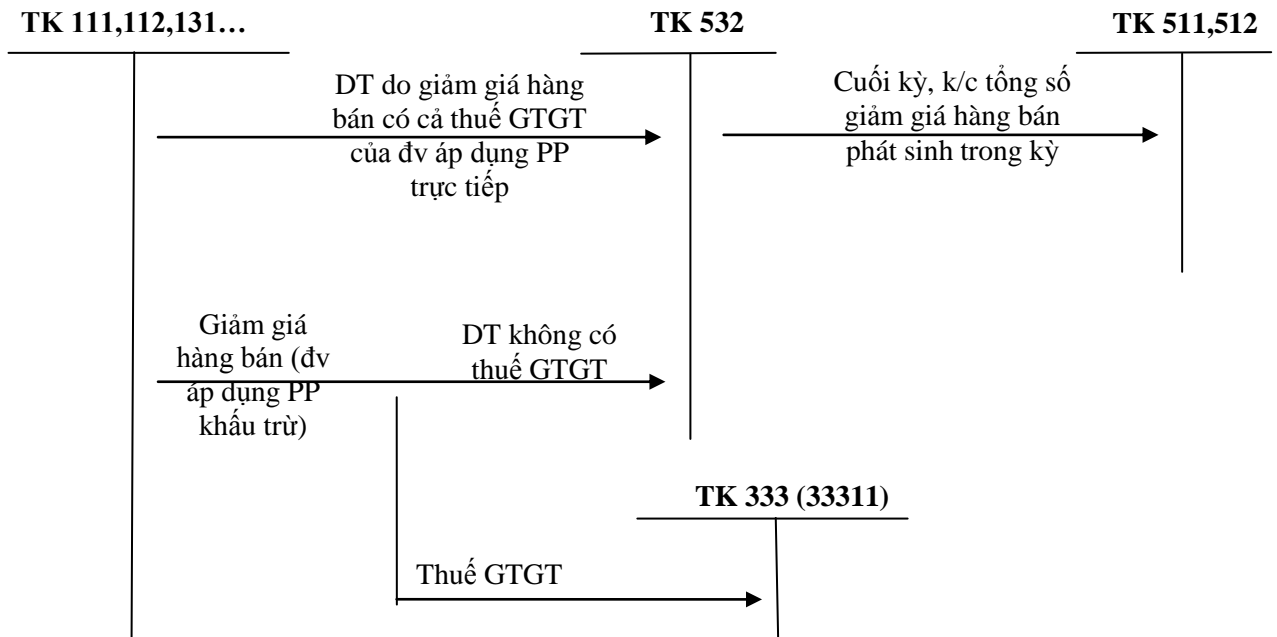
Sơ đồ 1.5. Kế toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.6. Kế toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.7. Kế toán giảm giá hàng bán



1.3.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

✓ *Chứng từ:* Phiếu thu, giấy báo có, phiếu kế toán ...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

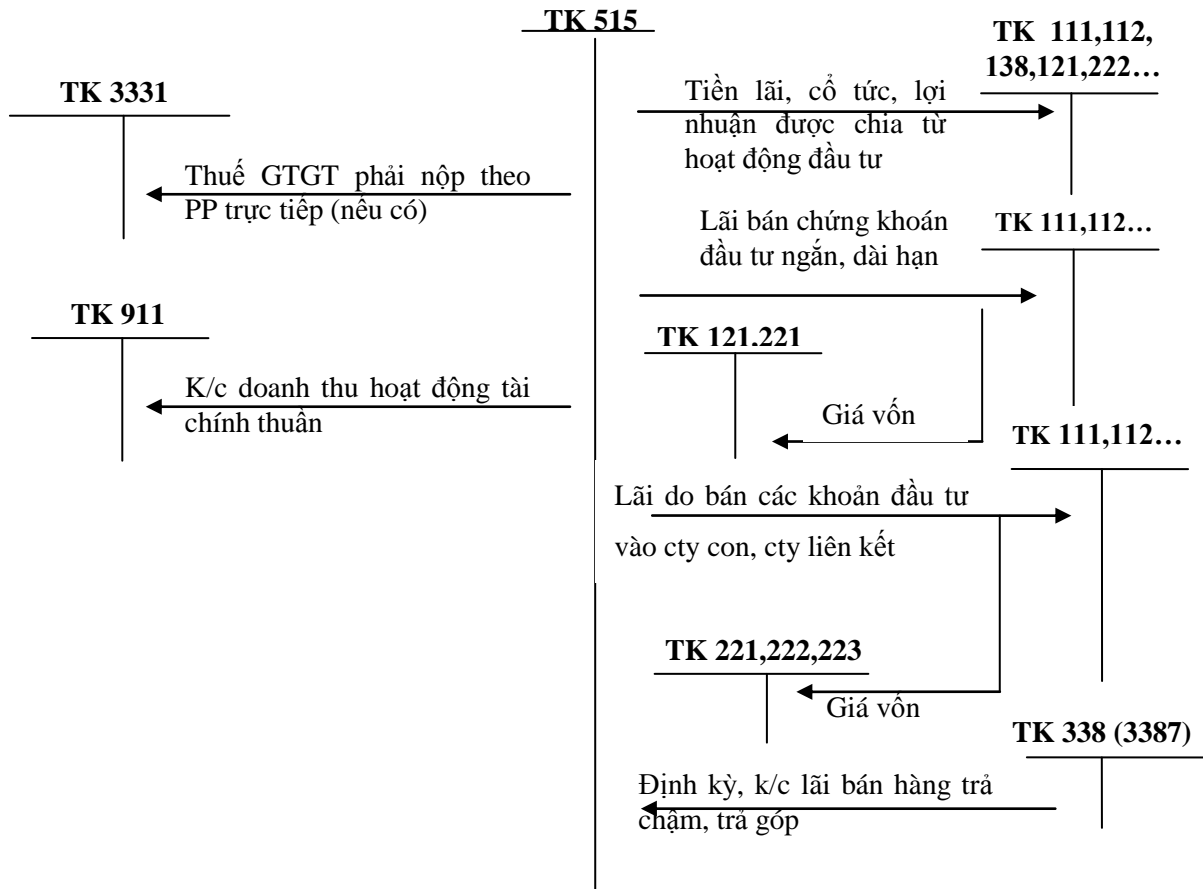
✓ Tài khoản sử dụng: TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 	TK 515	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ...
Tổng SPS Nợ	TK 515	Tổng SPS Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.3.1.3. Kế toán thu nhập khác

- ✓ Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có, phiếu kế toán...
 - Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế
- ✓ Tài khoản sử dụng
TK 711: Thu nhập khác

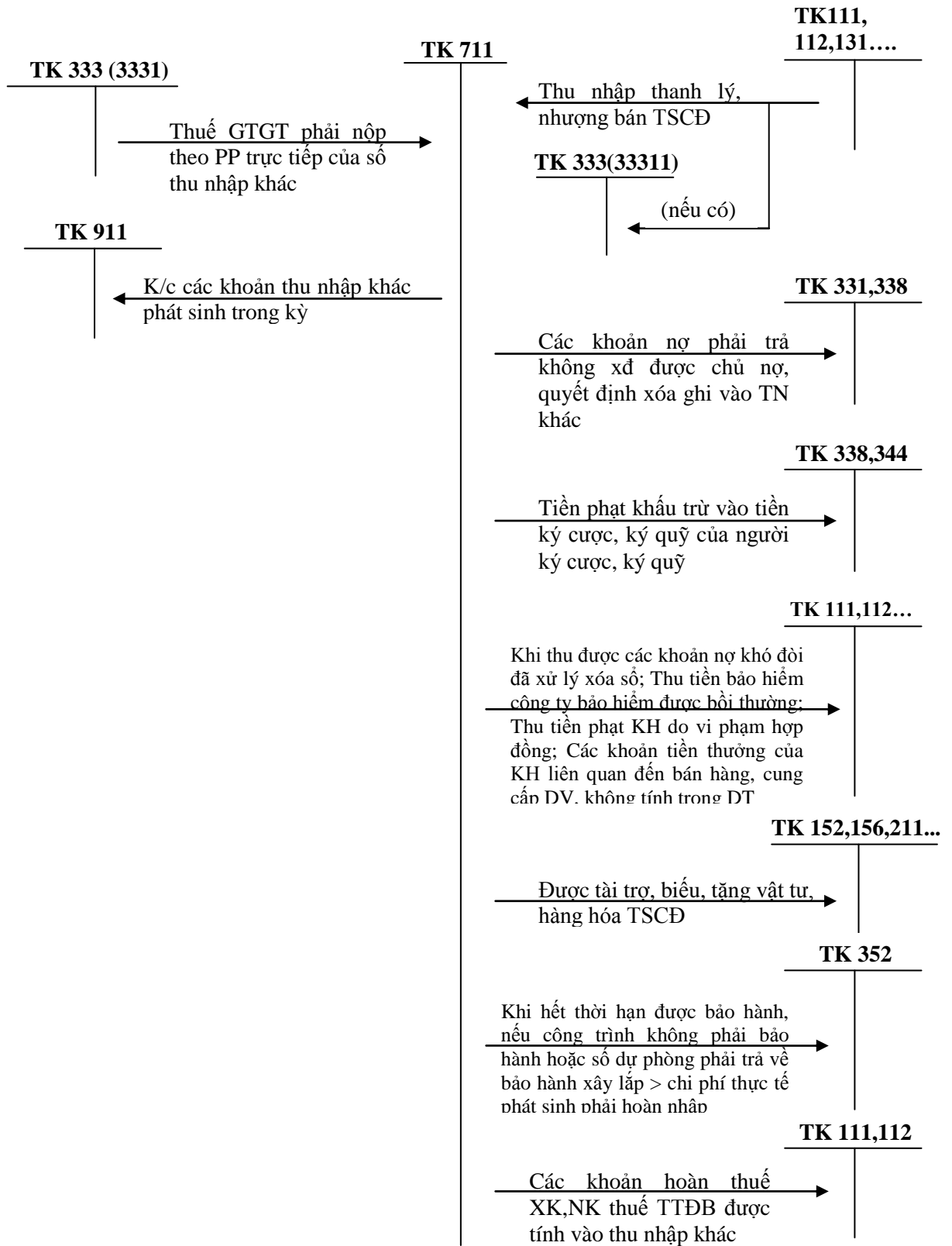
Kết cấu:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo PP trực tiếp với các khoản thu nhập khác (nếu có) (ở DN nộp thuế GTGT theo PP trực tiếp)	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ	
- Cuối kỳ, kết chuyển sang TK 911		
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác



1.3.2. Kế toán chi phí

1.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

- Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng xuất kho được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giá định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất

trước. Xuất hết số nhập trước rồi đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

- Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này kế toán giá định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

- Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

- Phương pháp bình quân gia quyền

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

- *Bình quân gia quyền liên hoàn*

$$\text{Trị giá BQ sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế sau lần nhập}_i}$$

- Tài khoản sử dụng:

TK 632: Giá vốn hàng bán

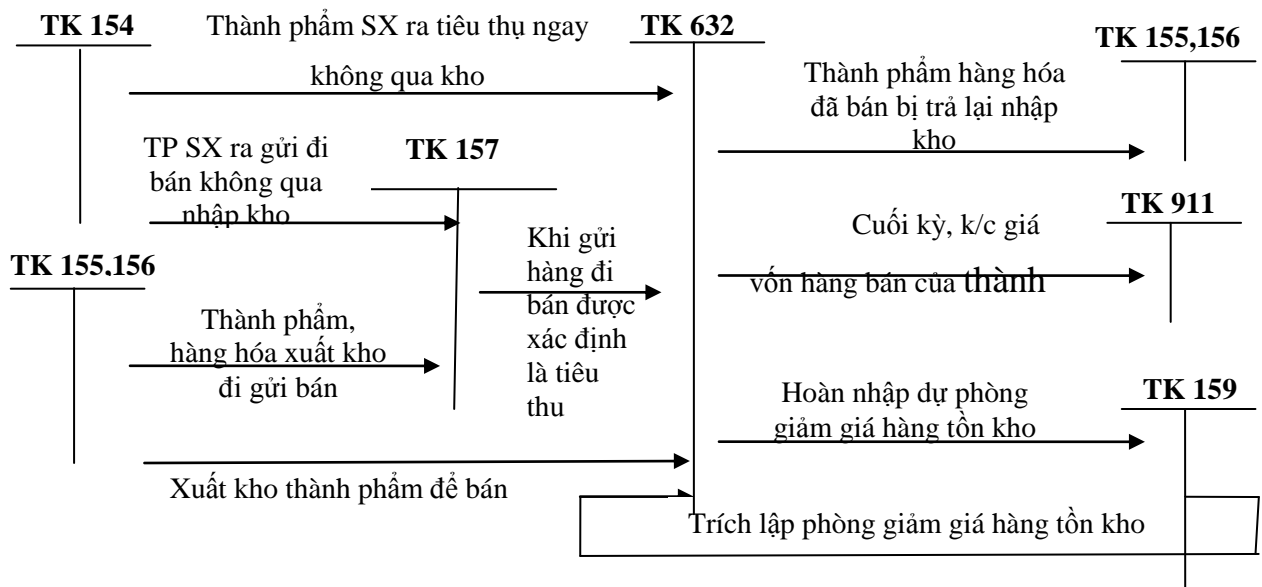
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết cấu:

Nợ	TK 632	Có
<p>-Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ; + Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sxc cố định.. <p>-Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ; + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ... 	TK 632	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh..
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

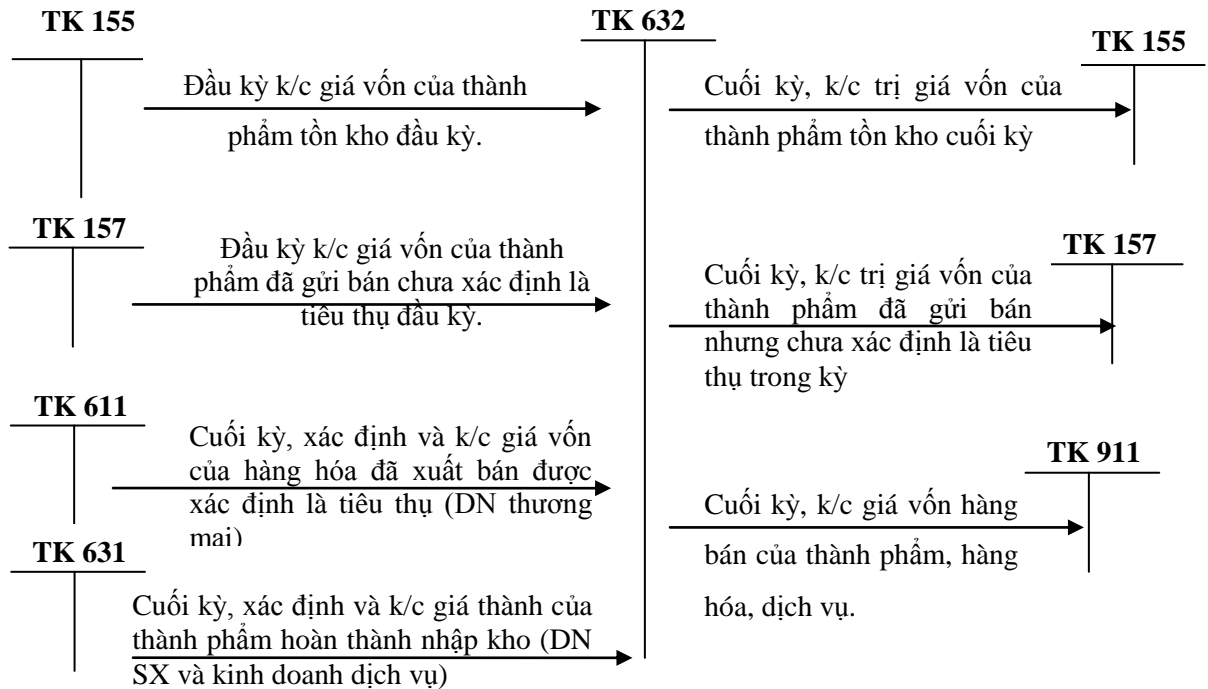
TK 632 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.10.a Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.10.b Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



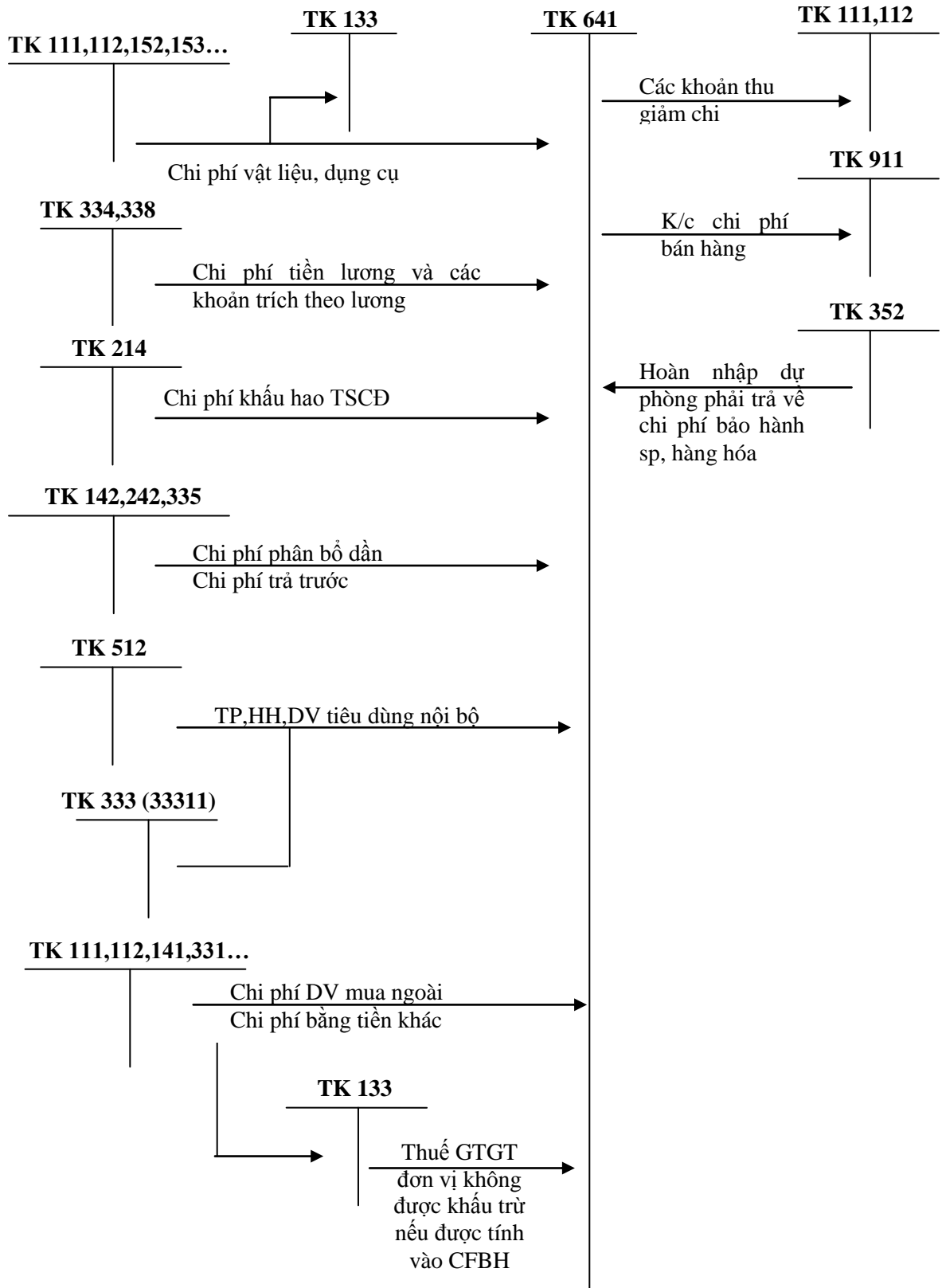
1.3.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

- **Chứng từ sử dụng**
 - Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL)
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
 - Bảng phân bổ NVL – công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT)
 - Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...
- **Tài khoản sử dụng**
 - + TK 641 : Chi phí bán hàng

Nợ	TK 641	Có
Tập hợp toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh	
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

TK 641 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.11. Kế toán chi phí bán hàng



1.3.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

• **Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL, công cụ, dụng cụ. (Mẫu số 07-VT)
- Các chứng từ gốc có liên quan như: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

• **Tài khoản sử dụng**

- + TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Kết cấu

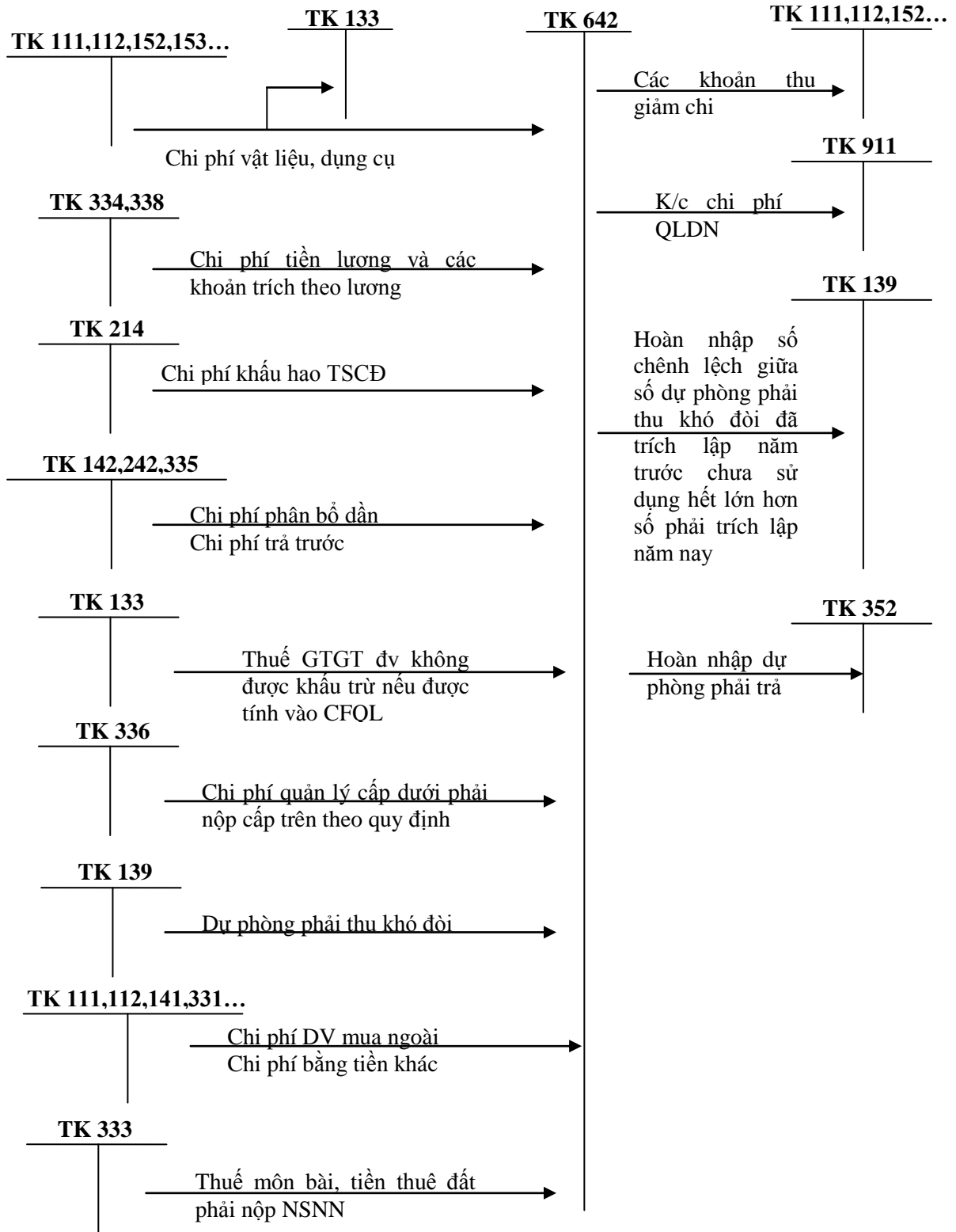
Nợ	TK 642	Có
Tập hợp toàn bộ chi phí QLDN phát sinh trong kỳ		Kết chuyển chi phí QLDN vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

- + Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:
 - TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
 - TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
 - TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
 - TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
 - TK 6426: Chi phí dự phòng
 - TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.12. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.3.2.4. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

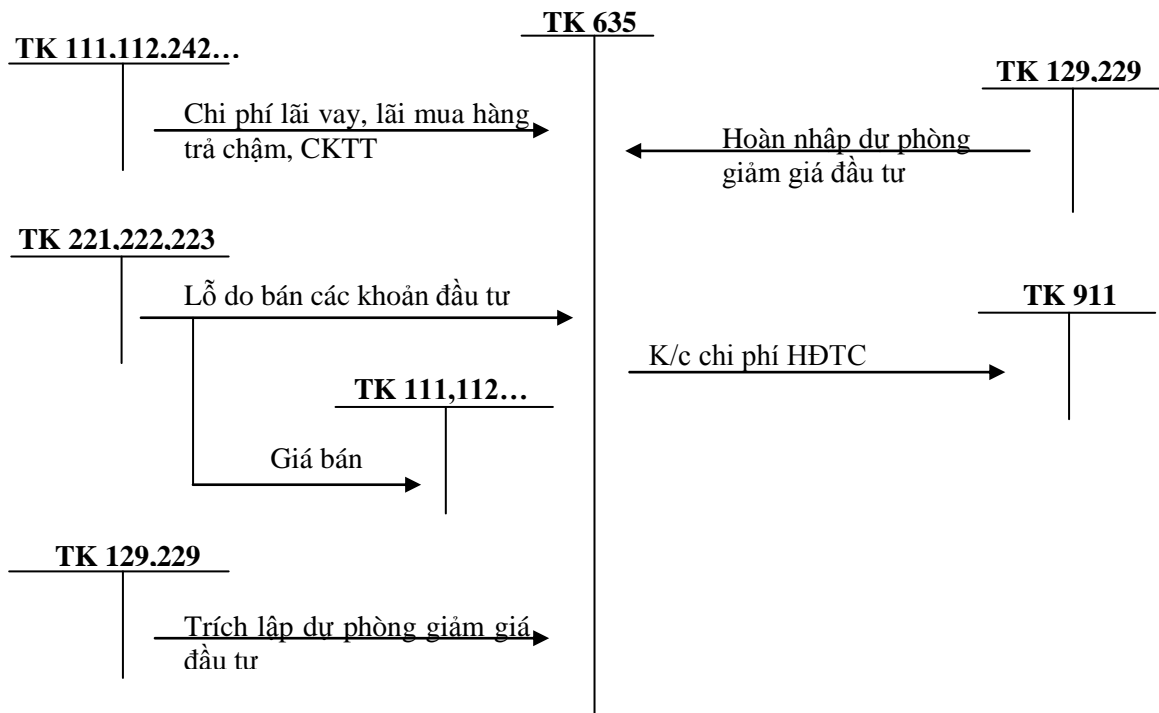
- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, Giấy báo nợ...
- **Tài khoản sử dụng:** Chi phí hoạt động tài chính

Kết cấu

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh..	TK 635	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.13. Kế toán chi phí hoạt động tài chính



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

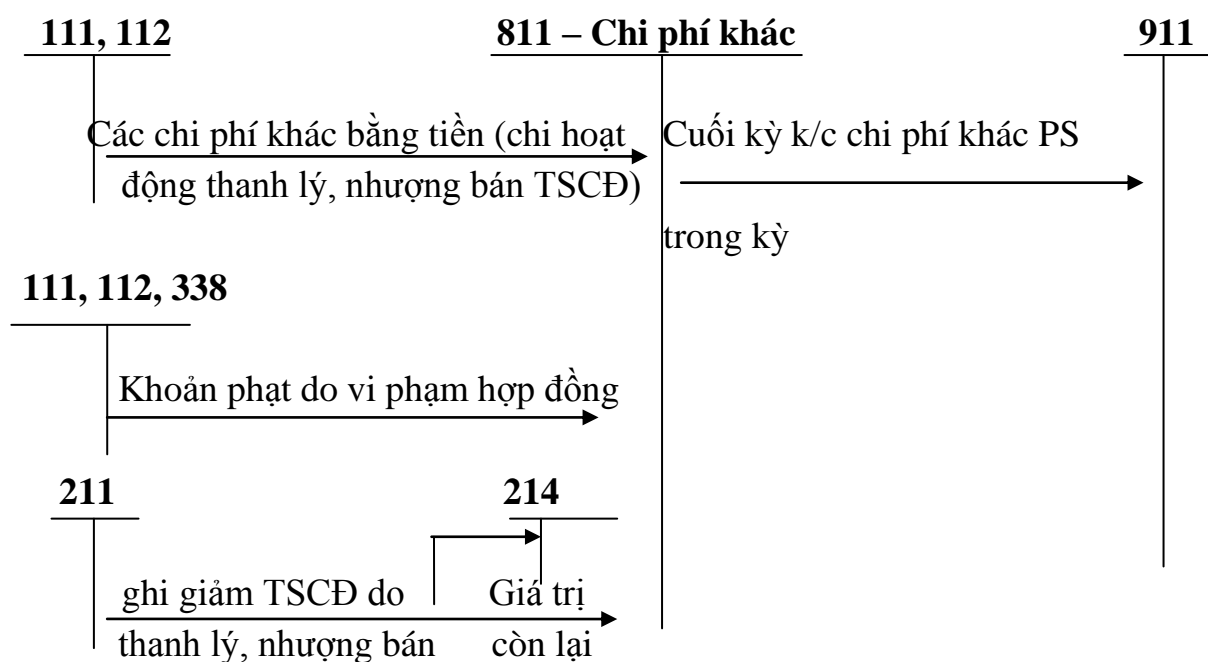
1.3.2.5. Kế toán chi phí khác

- **Chứng từ sử dụng:** Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, Phiếu chi....
- **Tài khoản sử dụng:** TK 811- "Chi phí khác".
Kết cấu

Nợ	TK 811	Có
Tập hợp toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ.		K/c chi phí khác vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.14. Kế toán chi phí khác



1.3.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

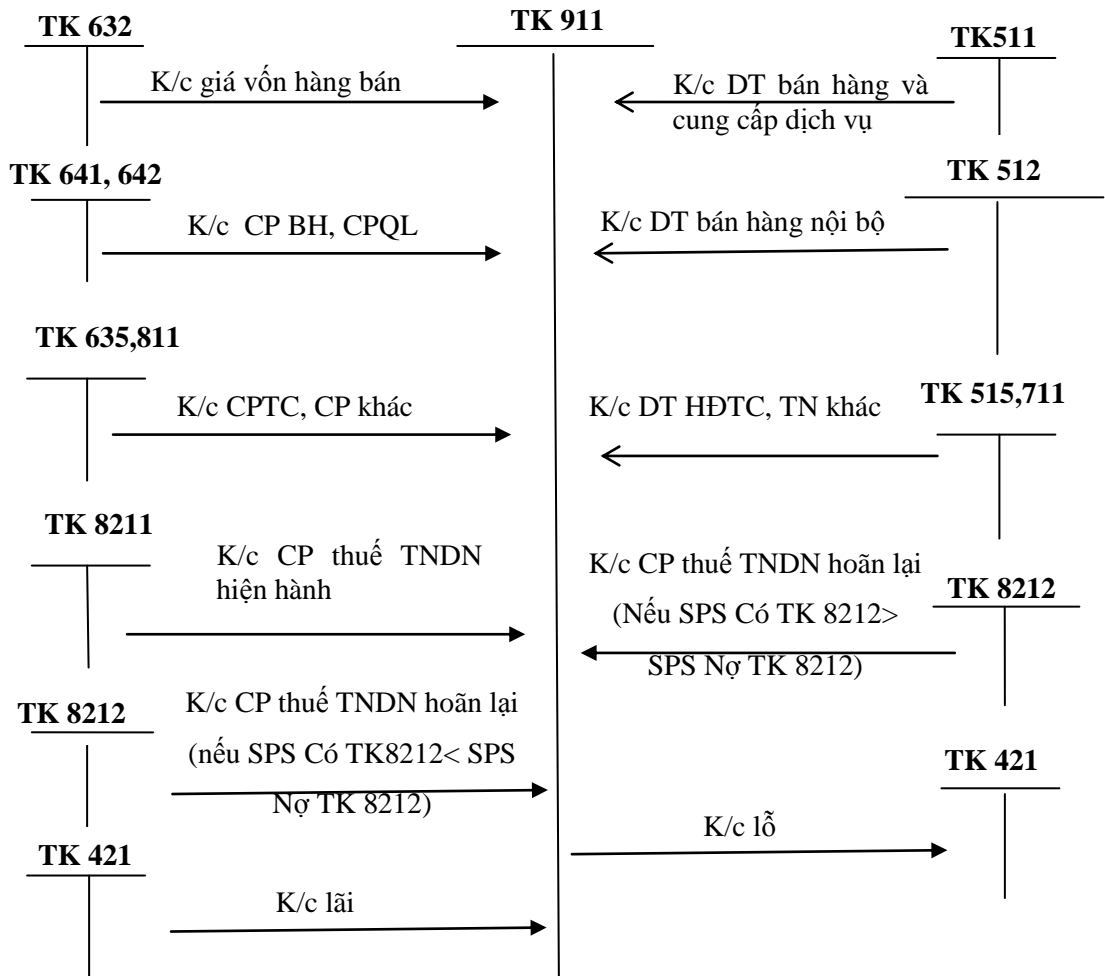
- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán
- **Tài khoản sử dụng :** TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác - Kết chuyển lãi. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.15. Kế toán xác định kết quả kinh doanh



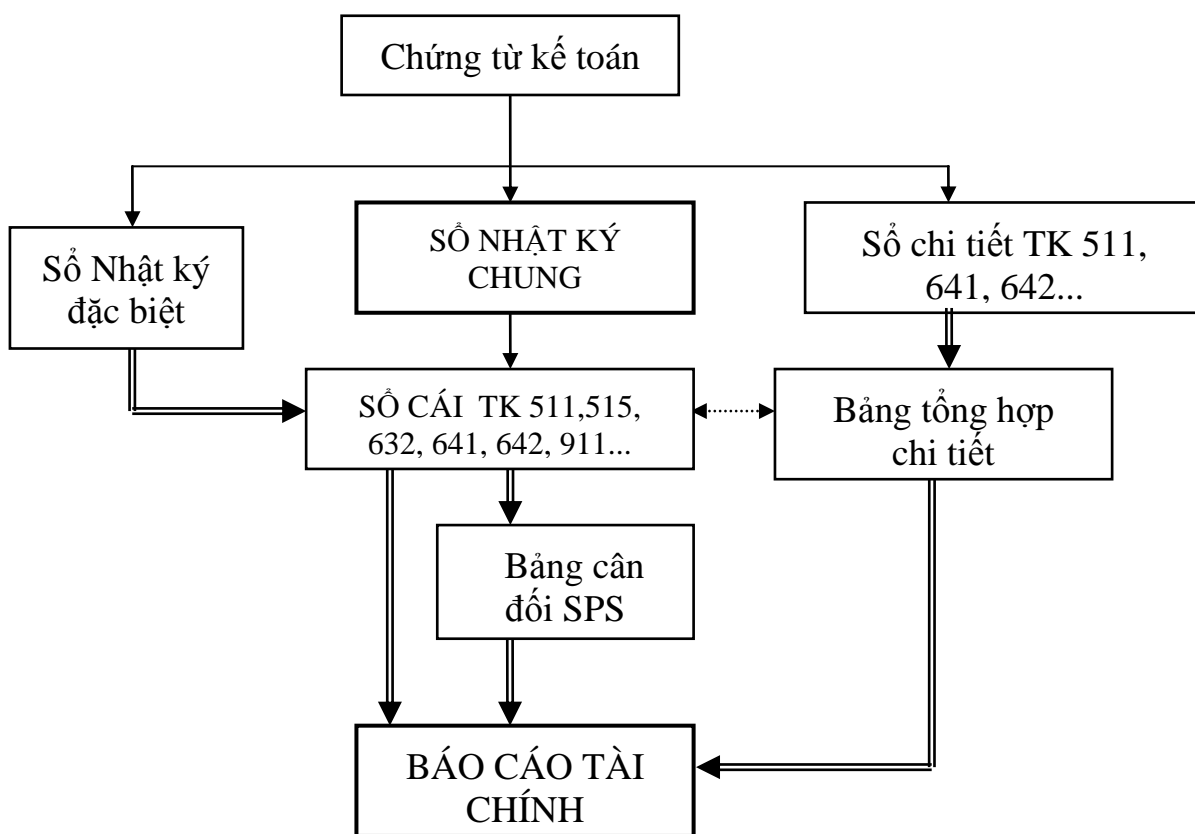
1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú : Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

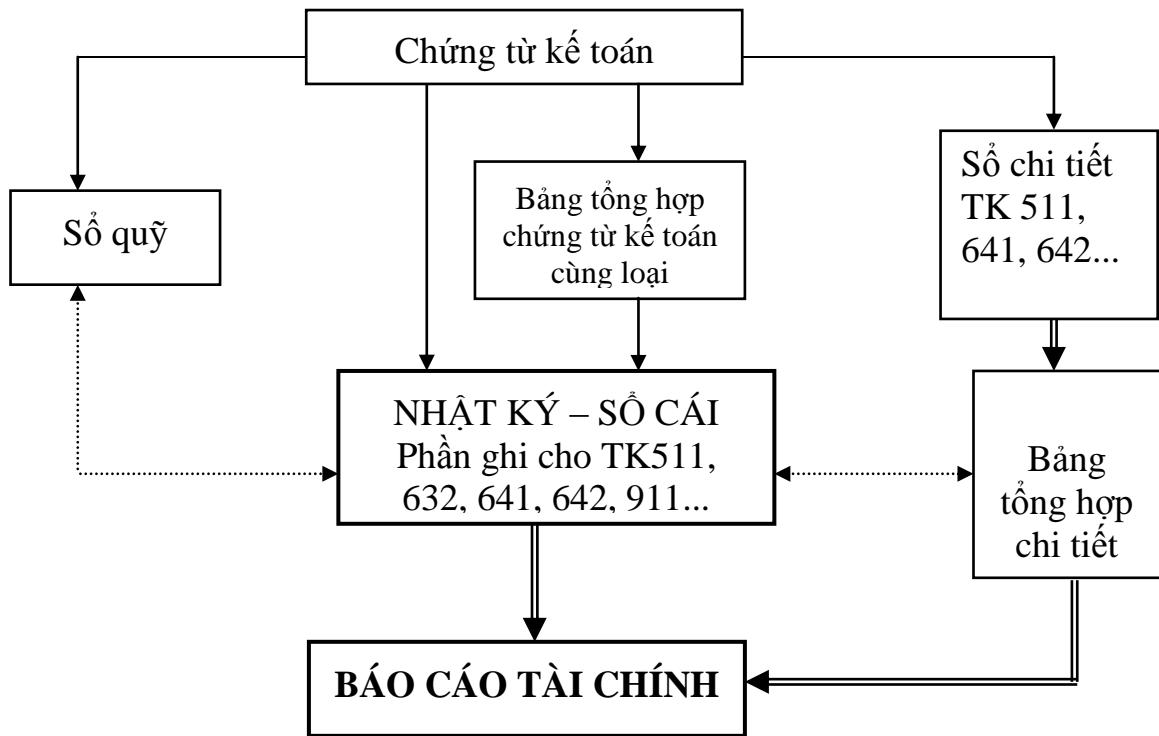
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký – Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.17: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
 Ghi định kỳ ⇒
 Đối chiếu, kiểm tra ⇄

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

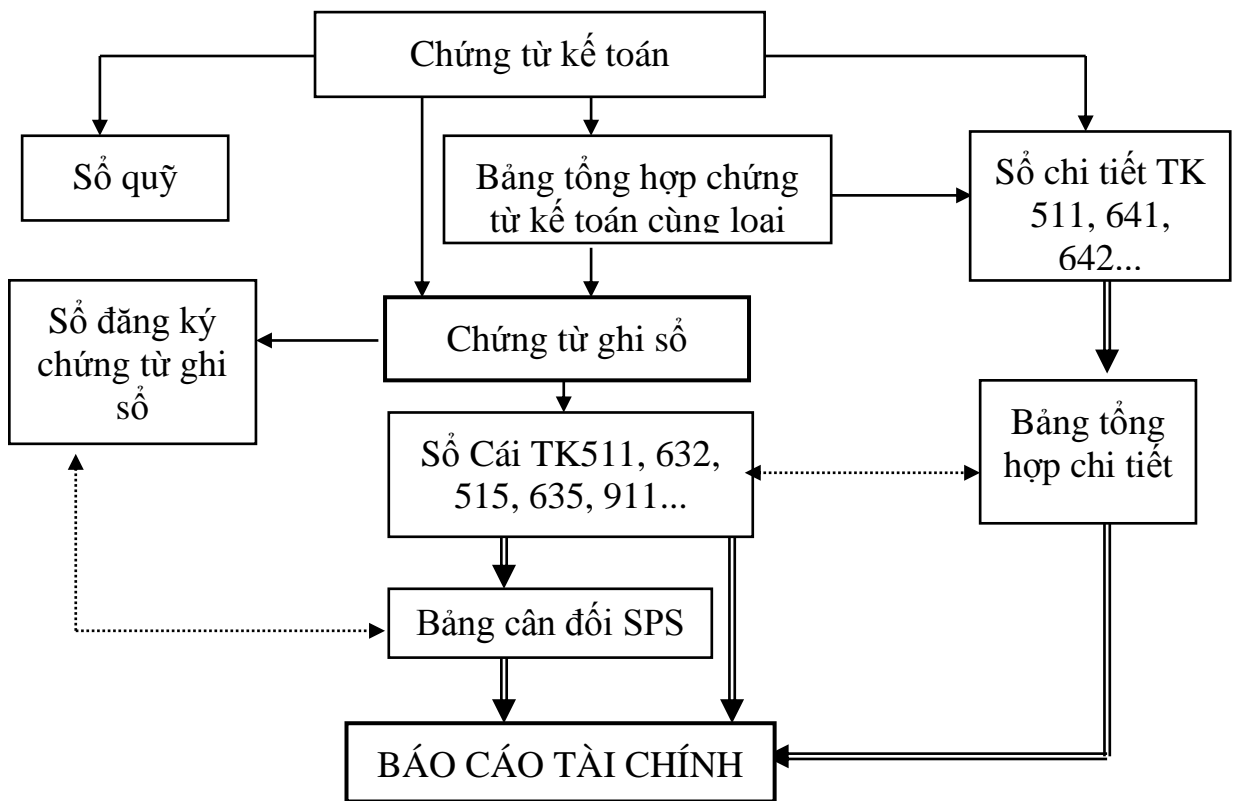
- Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán gồm các sổ: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết..

Sơ đồ 1.18 : Trình tự ghi sổ kế toán Theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi định kỳ \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.4.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình

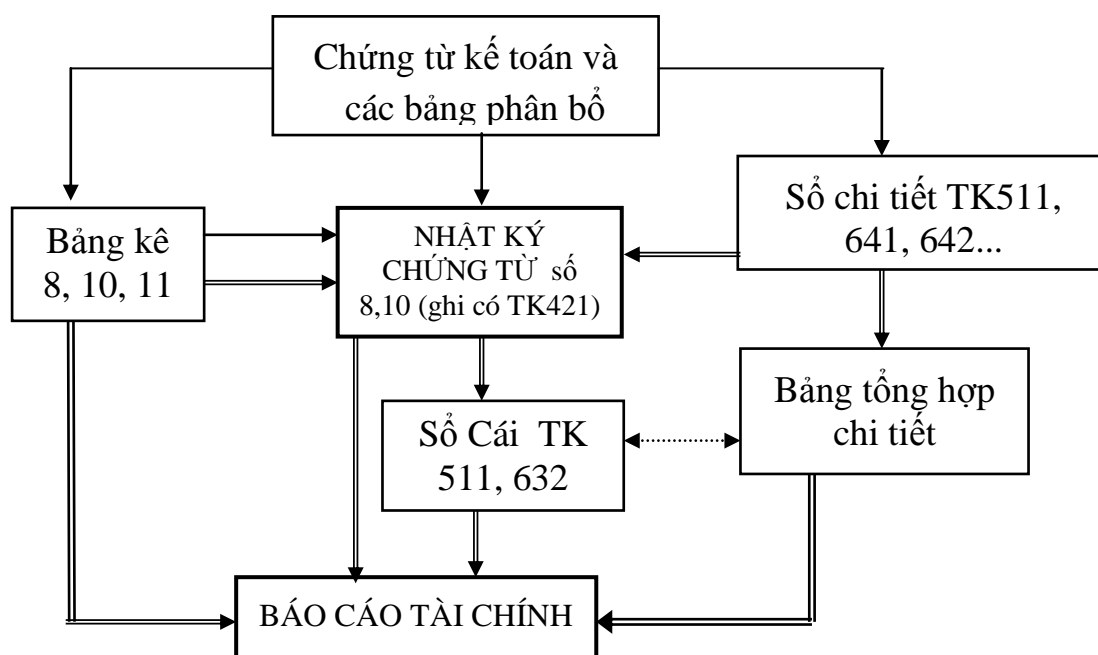
tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Các loại sổ: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ ⇔
- Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

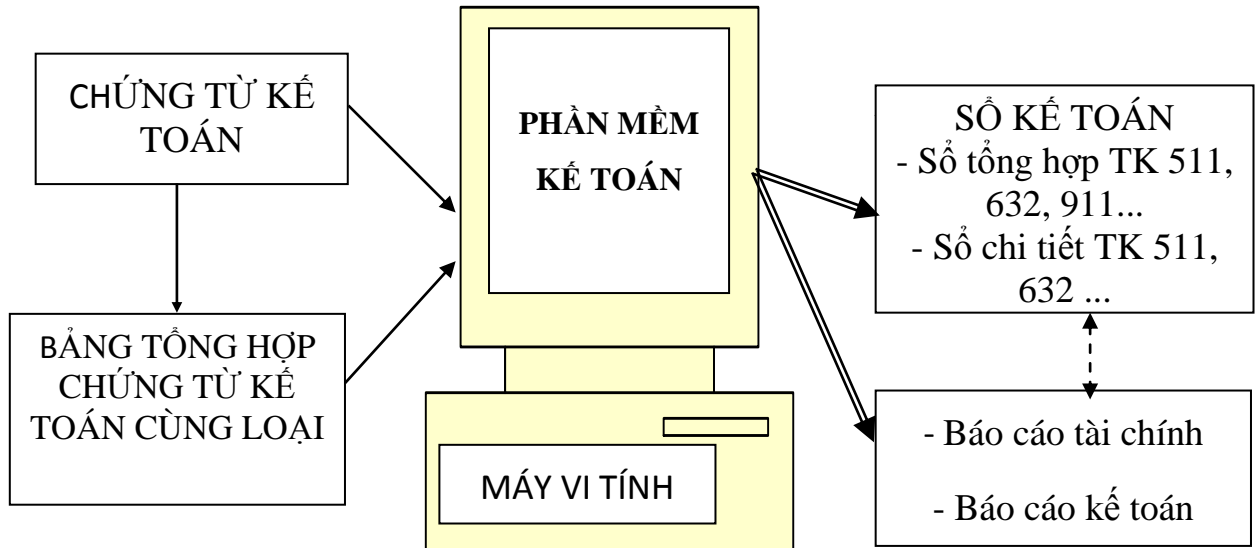
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.20. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN
HÀ LÂM – VINACOMIN**

**2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM -
VINACOMIN**

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN**

Tên quốc tế: **VINACOMIN HALAM COAL JOIN STOCK COMPANY**

Trụ sở: Số 1 Tân Lập – phường Hà Lâm – TP Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 033.3825339 – 033.3825754

Fax: 033.3821203

Tài khoản số: 0141000000365 - Ngân hàng Ngoại Thương – Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700101637

Công ty Cổ phần than Hà Lâm – tiền thân là mỏ than Hà Lâm được thành lập vào ngày 01/08/1960. Mỏ được tách ra từ xí nghiệp than quốc doanh than Hòn Gai tiếp quản từ thời Pháp để lại. Mỏ được thành lập dựa vào các văn bản pháp lý thành lập mỏ, văn bản thỏa thuận cấp đất và tài nguyên đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Theo sự phát triển chung và đòi hỏi của nền kinh tế thị trường ngày 29/12/1997 Bộ trưởng BCN quyết định số 25/1997 QĐ – BCN về việc “Chuyển Mỏ than Hà Lâm trực thuộc Công ty than Hòn Gai thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty than Việt Nam”.

- Căn cứ quyết định số 405/QĐ-HĐQT ngày 01/10/2001 của hội đồng quản trị Tổng Công ty than Việt Nam V/v “Đổi tên mỏ than Hà Lâm thành Công ty than Hà Lâm doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty than Việt Nam”.

- Đến ngày 01 tháng 02 năm 2008 Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

- Hiện nay Công ty mang tên chính thức là Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin, là thành viên hạch toán độc lập của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 18 tháng 12 năm 2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 3672/QĐ -BCN về việc cổ phần hoá Công ty Than Hà Lâm - Vinacomin.

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin được Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 22 03 001252 Đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Ngày 28 tháng 1 năm 2008 Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin. Đại hội đã thông qua điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bầu ra các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua phương án sản xuất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin được thành lập với số vốn điều lệ là 93.000.000.000 đồng.

Trong đó: - Cổ đông nhà nước do Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 5.343.153 cổ phần (chiếm 57,46% vốn điều lệ).

- Cổ phần bán ưu đãi cho 3596 cán bộ công nhân viên trong Công ty là 2.697.000 cổ phần (chiếm 29% vốn điều lệ).

- Cổ phần bán đấu giá công khai cho 12 nhà đầu tư là 1.259.847 cổ phần (chiếm 13,5% vốn điều lệ).

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

2.1.2.1. Các ngành nghề kinh doanh chính

- Khai thác, chế biến và tiêu thụ than và các khoáng sản khác.
- Chế tạo, sửa chữa, phục hồi thiết bị mỏ, phương tiện vận tải và các sản phẩm cơ khí khác.
- Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông, dân dụng, đường dây và trạm.
- Vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy.
- Sản xuất vật liệu xây dựng. Quản lý, khai thác cảng lẻ.
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng và đời sống phục vụ công nhân. Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống, du lịchữ hành trong nước và quốc tế.

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

Tổ chức bộ máy sản xuất

Khối hầm lò: 08 công trường chuyên khai thác than Hầm lò

Khối lộ thiên: 02 công trường chuyên khai thác than Lộ thiên

Khối phục vụ: 04 phân xưởng chuyên phục vụ cho các công trường khai thác than Hầm lò và khai thác than Lộ thiên như phân Cơ khí - Cơ điện, phân xưởng vận tải, phân xưởng thông gió, phân xưởng phục vụ

Khối sàng tuyển: 01 công trường chuyên sàng tuyển than

Khối chế biến: 03 phân xưởng chuyên chế biến các chủng loại than theo yêu cầu của người sử dụng than.

- Các công trường, phân xưởng trên do phòng KCS và phòng điều khiển sản xuất quản lý dưới sự giám sát trực tiếp của phó giám đốc sản xuất.

**/ Công nghệ sản xuất chủ yếu của Công ty*

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hai công nghệ khai thác: Công nghệ khai thác hầm lò và công nghệ khai thác lộ thiên.

2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý

Công ty cổ phần than Hà Lâm-Vinacomin hiện đang áp dụng mô hình quản lý kiểu trực tuyến - chức năng, theo trực tuyến có các cấp quản lý, mỗi cấp quản lý có một thủ trưởng, chịu trách nhiệm toàn diện việc điều hành ở cấp mình phụ trách, cấp quản lý càng cao thì càng phải tập trung giải quyết nhiều vấn đề chiến lược: hoạch định chiến lược, tổ chức cán bộ... Các bộ phận chức năng được thành lập để giúp thủ trưởng trực tuyến cấp trung, cấp cao về theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá về các nghiệp vụ quản lý như: lập kế hoạch ...

** Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận*

- **Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định các vấn đề lớn về tổ chức hoạt động,... của Công ty theo quy định của điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bầu ra hội đồng quản trị và ban kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội.

- **Hội đồng quản trị** có nhiệm vụ chính là giám sát, chỉ đạo Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, trong việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên.

- **Ban kiểm soát** do đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để thực hiện giám sát hội đồng quản trị, giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành Công ty, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty và thực hiện các công việc khác theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ công ty. Ban kiểm soát công ty có 3 thành viên.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- **Ban Giám đốc** gồm Giám đốc điều hành chung và các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc điều hành chung, điều hành từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Các Tổ chức Đảng, Đoàn thể quần chúng** gồm Đảng Ủy Công ty, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh.

- **Các phòng quản lý** có chức năng tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Công ty quản lý từng lĩnh vực chuyên môn, là phòng trực thuộc Công ty. Các phòng quản lý bao gồm các phòng khối kỹ thuật và khối nghiệp vụ.

- **Khối kỹ thuật** gồm có 9 phòng chức năng: Phòng Kỹ thuật mỏ; Phòng Trắc địa, Phòng Địa chất; Phòng Cơ điện; Phòng Vận tải, Phòng Đầu tư XDCB; Phòng Thông gió mỏ; Phòng An toàn mỏ; Phòng Quản lý dự án.

Khối kỹ thuật có nhiệm vụ chính là quản lý về các lĩnh vực kỹ thuật theo từng chuyên ngành: lập, kiểm tra, giám sát thực hiện các biện pháp kỹ thuật, thi công nghiệm thu thực hiện.

- **Khối nghiệp vụ** gồm 6 phòng chức năng: Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính; Phòng Lao động tiền lương; Phòng Kế hoạch vật tư; Phòng Tổ chức - Đào tạo; Phòng Thanh tra kiểm toán; Phòng Tiêu thụ.

Khối nghiệp vụ có nhiệm vụ giúp việc cho lãnh đạo Công ty quản lý các lĩnh vực về nghiệp vụ chuyên môn theo từng chuyên ngành.

- **Khối điều hành sản xuất** gồm 4 phòng chức năng: Phòng Điều khiển sản xuất; Phòng Giám định sản phẩm; Phòng Bảo vệ quân sự; Phòng Kho. Khối điều hành sản xuất có nhiệm vụ giúp việc cho lãnh đạo Công ty điều hành sản xuất hàng ngày, tổ chức nghiệm thu số và chất lượng than sản xuất tiêu thụ, bảo vệ tài sản của Công ty và cấp phát vật tư hàng hoá phục vụ sản xuất

- **Khối hành chính** gồm 3 phòng chức năng: Phòng Thi đua văn thể; Phòng Y tế; Phòng Hành chính. Khối Hành chính có nhiệm vụ giúp cho lãnh đạo Công ty quản lý các lĩnh vực về thi đua khen thưởng, văn hoá thể thao, công tác xã hội. Theo dõi chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho cán bộ công nhân viên xuất

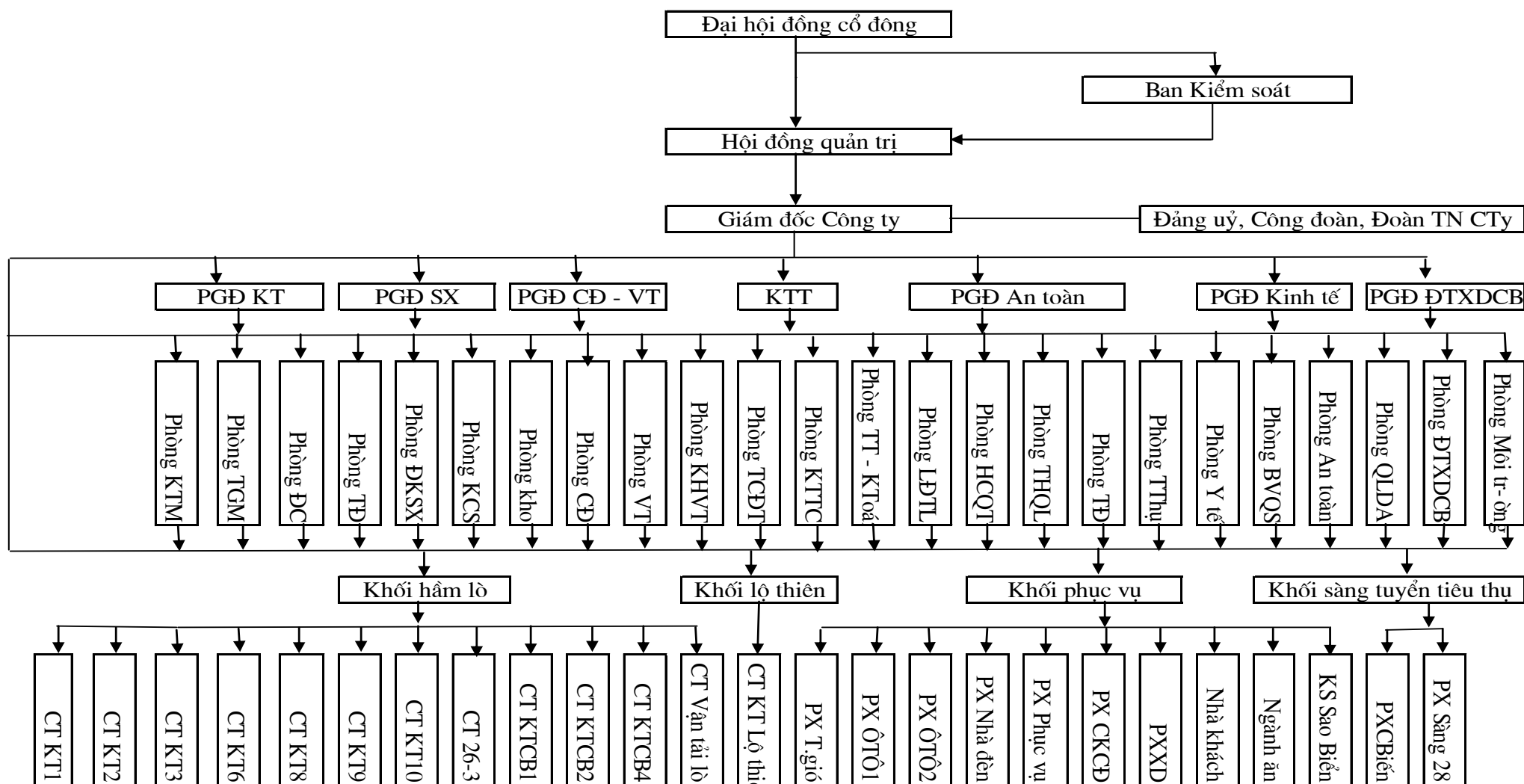
- **Các bộ phận sản xuất**

+ Bộ phận sản xuất chính: Gồm các công trường khai thác (CTKT 3, CTKT 6, CTKT 8, CTKT 9, CTKT 10, CT 26-3, CTKTCB 1, CTKTCB2, CTKTCB 4, CTKT Lộ Thiên).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Bộ phận sản xuất phụ: Gồm các phân xưởng như (PX Thông gió, PX Nhà đèn, PX Ôtô 1, PX Ôtô 2, PX Phục vụ, PX Cơ khí-cơ điện, Công trường vận tải lò, PX chế biến, Px sàng tuyển 28, Ngành ăn, phòng kho.
- + Bộ phận sản xuất phụ trợ: Phân xưởng xây dựng
- + Bộ phận sản xuất nghề phụ: Nhà khách và Khách sạn Sao Biển
- + Bộ phận phúc lợi văn hoá: Phòng thi đua văn thể; Phòng y tế; Phòng Môi trường

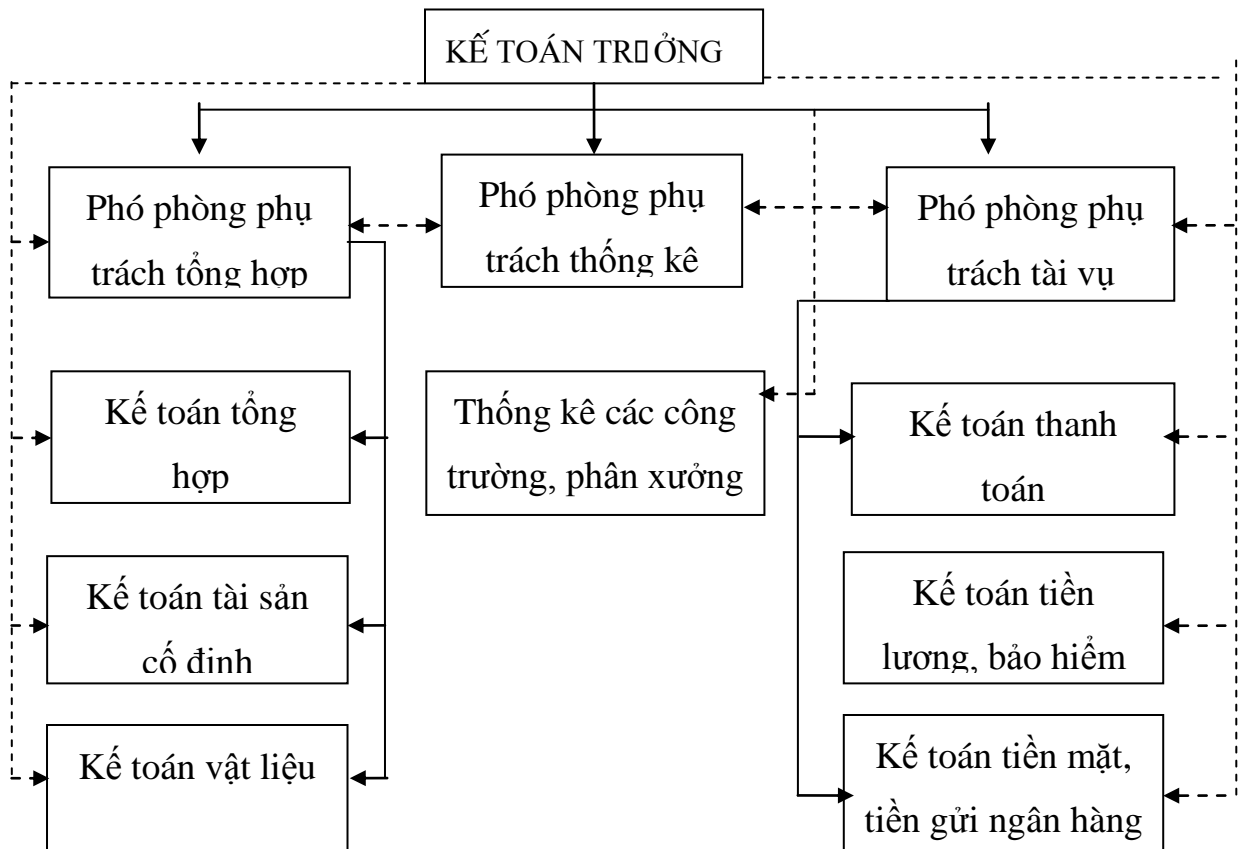
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức, yêu cầu quản lý, để phù hợp với trình độ quản lý và điều hành của Công ty, Công ty đang áp dụng hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung. Theo hình thức này, Công ty tổ chức riêng một Phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính gồm 15 người có nhiệm vụ là thu thập, tập hợp các thông tin tài chính, tổng hợp và xử lý các thông tin về tình hình tài chính liên quan đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, và hạch toán toàn bộ chi phí cho quá trình sản xuất kinh doanh, tính và phân bổ công cụ, dụng cụ, tiền lương, bảo hiểm xã hội, khấu hao tài sản cố định, tính toán và lập các báo cáo tài chính theo quý và kỳ báo cáo theo quy định, từ đó xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ, quý.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức phòng kế toán Công ty CP than Hà Lâm – Vinacomin



Ghi chú: Đối chiếu <-.-.->
 Chỉ đạo <->
 Quản lý <-.->

Cụ thể, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán trong doanh nghiệp như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- **Kế toán trưởng:** Phụ trách chung công tác hạch toán kế toán thống kê tài chính của toàn doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và các cơ quan cấp trên về công tác hạch toán sản xuất kinh doanh, về các báo cáo tài chính.
- **Phó phòng kế toán phụ trách tài chính:** Chỉ đạo toàn bộ hoạt động tài chính, cân đối chi tiêu, phụ trách nhân viên kinh tế công trường, phân xưởng, thực hiện việc thanh toán lương của cán bộ công nhân viên từng công trường, phân xưởng.
- **Nhân viên phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính** đều có trình độ Đại học chuyên ngành Tài chính - Kế toán và có kinh nghiệm chuyên môn từ 2 năm đến 20 năm .
- **Kế toán vật liệu, công cụ, dụng cụ:** theo dõi tình hình nhập, xuất vật liệu, công cụ dụng cụ trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Tính và phân bổ công cụ dụng cụ một cách chính xác. Hàng tháng, kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ tính giá thực tế của vật liệu, CCDC xuất kho và tồn kho cuối tháng, lập và gửi báo cáo cho kế toán tổng hợp làm căn cứ lập báo cáo chung toàn Công ty.
- **Phó phòng kế toán phụ trách tài vụ:** Chỉ đạo trực tiếp công tác thanh toán tiền lương, thanh toán với khách hàng, như ngân hàng, bạn hàng và công tác chi trả cho cán bộ công nhân viên.
- **Kế toán tài sản cố định:** có nhiệm vụ tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, chính xác kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị tài sản cố định hiện có, tính và phân bổ số khấu hao TSCĐ và chi phí sản xuất kinh doanh. Tham gia dự toán chi phí nâng cấp cải tạo tài sản cố định, chi phí sửa chữa tài sản cố định, phản ánh với Giám đốc về tình hình thực hiện dự toán trên. Hướng dẫn kiểm tra các bộ phận, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng chế độ hạch toán tài sản cố định, tham gia kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định.
- **Kế toán tiền lương và bảo hiểm:** có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh, tổng hợp đầy đủ kịp thời về số lượng, chất lượng, thời gian và kết quả lao động của các đơn vị, tính toán các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động như nghỉ phép, BHXH, học ... và tình hình thanh toán các khoản đó với người lao động, với cơ quan y tế và cơ quan bảo hiểm tại doanh nghiệp. Tính và phân bổ các khoản chi phí tiền lương, BHXH vào chi phí sản xuất kinh doanh theo từng đối tượng cụ thể...
- **Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:** Có nhiệm vụ căn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm chi phí, đặc điểm của sản

phẩm và yêu cầu tổ chức sản xuất, yêu cầu của công tác quản lý của Công ty để xác định đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí, đối tượng và phương pháp tính giá thành thích hợp. Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí theo khoản mục chi phí và theo yếu tố phát sinh trong mỗi kỳ kế toán...

- **Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng:** Thường xuyên kiểm tra thu chi tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, vào sổ cập nhật và cuối ngày đưa ra số tồn quỹ và đối chiếu với thủ quỹ. Phân đi ngân hàng thì đối chiếu với Ngân hàng. Cuối tháng, kế toán lập báo cáo, bảng kê và nhật ký chứng từ nộp cho kế toán tổng hợp.

- **Kế toán thanh toán:** có nhiệm vụ theo dõi chi tiết công nợ của từng khách hàng, để có kế hoạch trả nợ hay đòi nợ, chi tiết tạm ứng và thanh toán nội bộ.

- **Kế toán thống kê các công trường, phân xưởng:** có nhiệm vụ theo dõi thống kê về tính hình sử dụng, nhu cầu vật tư, tình hình sản xuất kinh doanh ở các công trường, phân xưởng và theo dõi việc luân chuyển hóa đơn, chứng từ và thanh toán lương công trường.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán, chế độ và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ. Là một doanh nghiệp có quy mô lớn có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh và có dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh có nhiều bộ phận kế toán. Căn cứ vào chứng từ phát sinh hàng ngày, kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu, phân loại, vào bảng kê các sổ chi tiết theo yêu cầu quản lý, các nhật ký liên quan. Số liệu tổng hợp ở các bảng kê cũng được ghi chuyển vào các nhật ký liên quan và ghi vào sổ cái. Định kỳ lập, gửi các báo cáo kế toán theo đúng quy định hiện hành.

****/ Chế độ kế toán vận dụng tại đơn vị:***

+ Kỳ kế toán: Hàng quý. Vào cuối mỗi quý, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình biến động về tài chính mà kế toán sẽ tổng hợp và lập nên các Báo cáo tài chính.

+ Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định: Theo nguyên giá và giá trị còn lại, giá trị hao mòn.

+ Phương pháp tính giá vốn vật liệu xuất kho: phương pháp FIFO.

+ Phương pháp trích khấu hao TSCĐ: áp dụng phương pháp khấu hao TSCĐ theo Thông tư 203/2009/TT-BTC của bộ trưởng bộ tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- + Hệ thống Tài khoản kế toán sử dụng là hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/Q Đ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- + Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
- + Công ty áp dụng hình thức Kế toán: Nhật ký chứng từ.

Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với nguyên tắc thuế của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong tháng nào sẽ được khấu trừ ngay trong tháng đó. Các mức thuế suất bao gồm 0%, 5% và 10%.

****/ Đặc điểm vận dụng hệ thống sổ kế toán:***

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Thẻ kho kế toán chi tiết
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra lấy số liệu trực tiếp vào các nhật ký chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Các nhật ký chứng từ được ghi căn cứ vào các bảng kê, sổ chi tiết thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán, vào bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng phải kết chuyển số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết và nhật ký chứng từ.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký chứng từ liên quan.

Cuối tháng khoá sổ, cộng sổ số liệu các Nhật ký chứng từ với sổ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ và thẻ kế toán chi tiết, căn cứ vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng loại tài khoản để đối chiếu với sổ cái.

Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

****/ Đặc điểm vận dụng hệ thống báo cáo kế toán:***

Hệ thống Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp vẫn bao gồm 04 loại cơ bản như:

- Bảng Cân đối kế toán: mẫu số B01 DN
- Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: mẫu số B02 DN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, mẫu số B03 - DN.
- Thuyết minh báo cáo tài chính: mẫu số B09 - DN

Báo cáo tài chính giữa niên độ: Mỗi quý của năm tài chính (không bao gồm quý IV). Công ty nộp báo cáo tài chính cho Tập đoàn TKV chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

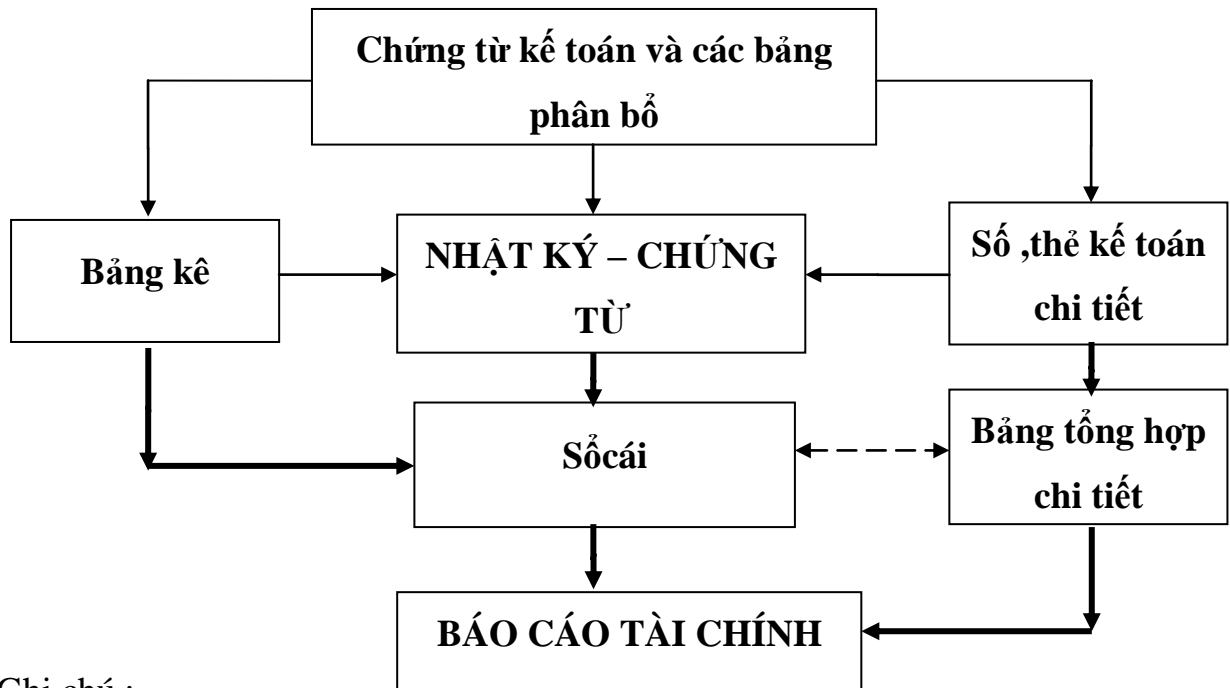
Báo cáo tài chính năm (12 tháng 1 / năm dương lịch)

****/ Nơi nhận báo cáo tài chính năm***

- + Sở Tài chính - Tỉnh Quảng Ninh
- + Cục Thuế - Tỉnh Quảng Ninh
- + Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- + Sở Kế hoạch - Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh

Thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sơ đồ 2.2: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : —————>

Đối chiếu : <----->

Ghi định kỳ hoặc cuối tháng, cuối quý : —————>

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty

2.2.1.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

• **Phương thức bán hàng của công ty:**

Phương thức bán hàng trực tiếp.

• **Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt.
- Chuyển khoản.
- Chưa thanh toán.

• **Tài khoản sử dụng:**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TK 333(3331): Thuế GTGT đầu ra

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

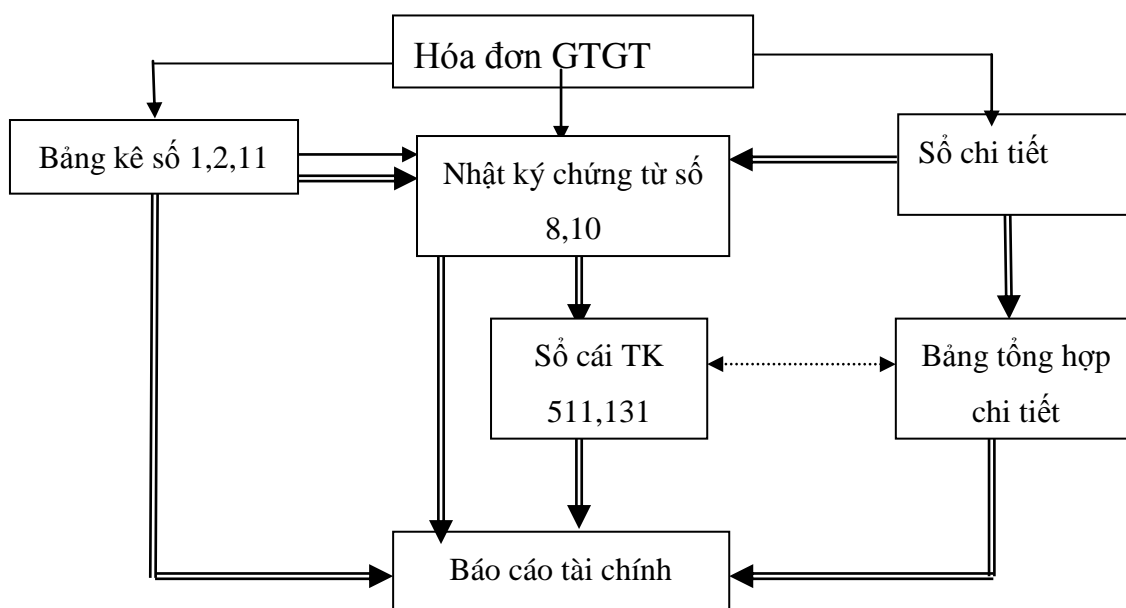
• **Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT (Mẫu 01GTKT – 3LL)
- Phiếu thu, giấy báo có...
- Phiếu xuất kho
- Biên lai thu thuế

• **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết
- Bảng kê số 11
- Nhật ký chứng từ số 8
- Sổ cái TK 511

Sơ đồ 2.3. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.-.->

Giải thích sơ đồ:

Dựa vào số lượng hàng giao và hợp đồng kinh tế ký kết, kế toán ghi HĐ GTGT.

Hàng ngày dựa vào HĐ GTGT và các chứng từ thanh toán, kế toán tiến hành vào sổ chi tiết, bảng kê.

Cuối tháng tổng hợp vào nhật ký chứng từ số 8, 10 và vào các sổ cái TK 511, TK131 và bảng tổng hợp chi tiết.

Định kỳ cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu từ các nhật ký chứng từ, bảng kê, các sổ cái TK và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 2.1: Ngày 26/10 xuất bán 15 tấn than cám số 1 (đơn giá 1.600.000đ/tấn), 20 tấn than cám số 3 (đơn giá 1.100.000), 10 tấn than cám số 6 (đơn giá 850.000đ/tấn) cho công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Quảng Ninh, tổng giá thanh toán là 59.950.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), tổng giá vốn hàng xuất là 47.500.000 đồng.

Quy trình hạch toán:

- + Kế toán viết HĐ GTGT số 0068629
- + Kế toán định khoản
 - a) Nợ TK 632: 47.500.000
 - Có TK 155: 47.500.000
 - b) Nợ TK 131: 59.950.000
 - Có TK 511: 54.500.000
 - Có TK 3331: 5.450.000
- + Căn cứ vào HĐ GTGT kê toán vào bảng kê số 11 và vào sổ chi tiết TK 131.
- + Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê và sổ chi tiết TK 131, kê toán vào NKCT số 8 và sổ cái TK 511, 131.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.1:

HÓA ĐƠN		MẪU SỐ: 01GTKT3/001					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QU/13P 0068629					
Liên 3: Nội bộ							
Ngày 26 tháng 10 năm 2013							
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vianacomin.							
Địa chỉ: Số 1-Tân Lập-Hà Lâm- Hạ Long- Quảng Ninh.							
Số tài khoản: 0141000000365 Tại: Ngân hàng Ngoại Thương, Quảng Ninh							
Hình thức thanh toán:		MST: 5700101637					
Họ tên người mua hàng:							
Tên đơn vị: 01XG03 – công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh							
Địa chỉ: Số 342, Cẩm Phả, Quảng Ninh							
Số tài khoản:							
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán		MST: 0200687615					
Số TT	Mã kho	Mã VT	Tên vật tư	VT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	01CNAL	01HH22	Than cám 1	Tấn	15	1.600.000	24.000.000
2	01CNAL	01HH21	Than cám 3	Tấn	20	1.100.000	22.000.000
3	01CNAL	01HH23	Than cám 6	Tấn	10	850.000	8.500.000
Cộng tiền hàng:							54.500.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Thuế giá trị gia tăng:			5.450.000
Tổng cộng tiền thanh toán:							59.950.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn							
Người mua hàng		Kế toán trưởng			Thủ trưởng đơn vị		
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)			(Ký, ghi rõ họ tên)		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.2:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số: S31 – DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT – TK 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng
Tên đối tượng: Công ty Cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh
Tháng 10 năm 2013

Ngày tháng GS	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				15.462.437.747	
...	
26/10	0068629	26/10	Mua hàng chưa trả tiền	511	54.500.000		10.552.564.700	
				3331	5.450.000		10.558.014.700	
...
30/10	BC2309	30/10	Cty chuyển trả tiền hàng	112		260.000.000	8.462.334.000	
31/10	0068654	31/10	Mua hàng chưa trả tiền	511	45.000.000		8.512.334.000	
				3331	4.500.000		8.516.834.000	
			Cộng phát sinh		23.999.676.153	30.945.279.900		
			Số dư cuối kỳ				8.516.834.000	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

Ngày 31 tháng 10 năm 2013

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.3:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04b11 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

BẢNG KÊ SỔ 11

Phải thu khách hàng – TK 131

Tháng 10 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên người mua	Số dư Nợ đầu tháng	Ghi Nợ TK 131, ghi Có các TK				Ghi Có TK 131, ghi Nợ các TK			Số dư Nợ cuối tháng
			3331	511		Cộng Nợ TK 131	112		Cộng Có TK131	
1	Công ty nhiệt điện Quảng Ninh	15.462.437.747	2.181.788.741	21.817.887.412	...	23.999.676.153	20.500.000.000		30.945.279.900	8.516.834.000
2	Công ty kho vận Hòn Gai	36.758.093.143	2.418.933.513	47.238.015.701		50.093.849.587	85.000.000.000	...	86.764.983.092	86.595.638
3	Công ty than Vàng Danh	11.490.271	36.636.965	366.369.651		403.006.616	360.238.774		582.416.774	180.528.616

	Cộng	61.787.672.962	6.782.919.702	75.190.788.000	...	81.973.707.702	100.798.520.000		116.798.319.609	26.963.061.055

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.4:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04a8 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Tháng 10 năm 2013

STT	Các TK ghi Có / Các TK ghi Nợ	TK511	TK 515	TK 632	TK 635	TK 641	TK 642	TK 711	TK811	TK 911	Cộng
		1	TK111	63.005.569.600	15.901.693					203.677.089	
2	TK 112	62.482.766.280	100.950.500					300.000.000			
3	TK131	75.190.788.000						366.693.549			
4	TK 121		25.444.678								
5	TK 228		29.936.995								
6	TK511									200.679.123.880	
7	TK515									172.233.866	
8	TK711									870.370.638	
9	TK 911			132.679.123.880	11.742.264.320	4.530.199.832	11.189.340.550		533.822.456		
	...										
	Cộng	200.679.123.880	172.233.866	132.679.123.880	11.742.264.320	4.530.199.832	11.189.340.550	870.370.638	533.822.456	201.721.728.384	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.5:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)
Tài khoản 131

Số dư đầu kì									
Nợ	Có								
16.990.860.724									
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với tài khoản này	Tháng 1	.	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng		
511				75.190.788.000					
3331				6.782.919.702					
...									
Cộng số phát sinh Nợ				81.973.707.702					
Tổng số phát sinh Có				116.798.319.609					
Số dư cuối tháng	Nợ		<u>61.787.672.962</u>	<u>26.963.061.055</u>					
	Có								

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.6:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản 511

Số dư đầu kỳ							
Nợ		Có					
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với tài khoản này	Tháng 1	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng
	911			200.679.123.880			
	Cộng số phát sinh Nợ			200.679.123.880			1.838.799.844.887
	Tổng số phát sinh Có			200.679.123.880			1.838.799.844.887
	Số dư cuối tháng	Nợ					
	Có						

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

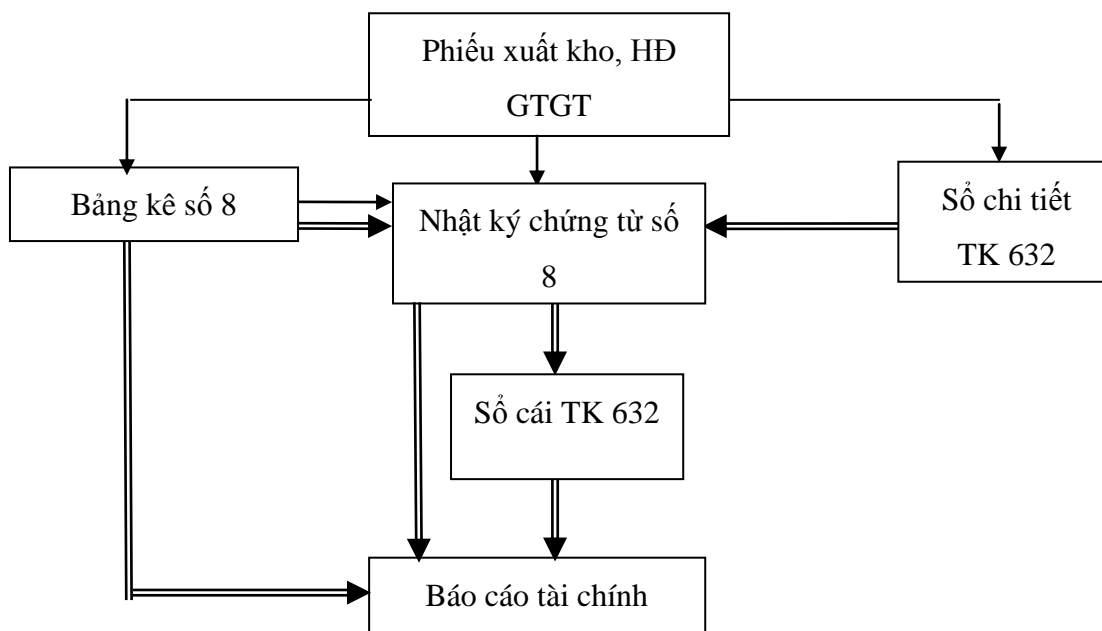
❖ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong năm 2013, công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

2.2.1.2. Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán

- **Phương pháp tính giá hàng xuất kho:** phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)
- **Tài khoản sử dụng:** TK 632: Giá vốn hàng bán.
- **Các chứng từ, sổ sách sử dụng:**
 - Phiếu xuất kho, HĐ GTGT
 - Bảng kê số 8
 - Nhật ký chứng từ số 8
 - Sổ cái TK 632

Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Giải thích sơ đồ:

Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng cho khách kế toán ghi phiếu xuất kho và HĐ GTGT.

Hàng ngày dựa vào phiếu xuất kho, HĐ GTGT và các chứng từ thanh toán, kế toán tiến hành vào sổ chi tiết, bảng kê.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối tháng tổng hợp vào nhật ký chứng từ số 8 và vào các sổ cái TK 632 và bảng tổng hợp chi tiết.

Định kỳ cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu từ các nhật ký chứng từ, bảng kê, các sổ cái TK và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa (Tiếp Ví dụ 2.1): Ngày 26/10 xuất bán 15 tấn than cám số 1 (đơn giá 1.600.000đ/tấn), 20 tấn than cám số 3(đơn giá 1.100.000), 10 tấn than cám số 6(đơn giá 850.000đ/tấn) cho công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Quảng Ninh), tổng giá thanh toán là 59.950.000 đồng(đã bao gồm thuế GTGT 10%), tổng giá vốn hàng xuất là 47.500.000 đồng.

Quy trình hạch toán:

+ Kế toán viết phiếu xuất kho số 548 HĐ GTGT số 0068629

+ Kế toán định khoản

a) Nợ TK 632: 47.500.000

b) Nợ TK 131: 59.950.000

Có TK 155: 47.500.000

Có TK 511: 54.500.000

Có TK 3331: 5.450.000

+ Căn cứ vào HĐ GTGT số 0068629, phiếu xuất kho số 548 kế toán vào sổ chi tiết bán hàng TK 632 và bảng kê số 8.

+ Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê và sổ chi tiết TK 632, kế toán vào NKCT số 8 và vào sổ cái TK 632.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.7:

Đơn vị : Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: Số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 26 tháng 10 năm 2013

Số: 632

Số: 548

Có: 155

- Họ và tên người nhận hàng: Bùi Duy Thảo
- Địa chỉ: Phân xưởng khai thác 1
- Lý do xuất: Xuất bán cho Công ty Cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh
- Xuất tại kho: kho số 1.

STT	Tên hàng	Mã hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
1	Than cám số 1	TC01	Tấn	10	1.450.000	14.500.000	
	Than cám số 1	TC01	Tấn	5	1.500.000	7.500.000	
2	Than cám số 3	TC03	Tấn	10	950.000	9.500.000	
	Than cám số 3	TC03	Tấn	10	900.000	9.000.000	
3	Than cám số 6	TC06	Tấn	10	700.000	7.000.000	
	Cộng					47.500.000	

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.*

Ngày 26 tháng 10 năm 2013

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.8:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin

Địa chỉ: Số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tháng 10 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Giá vốn hàng bán			
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
...					
26/10	PX548	26/10	Bán than cám 1 cho công ty nhiệt điện Quảng Ninh	155	10 5	1.450.000 1.500.000	22.000.000	
26/10	PX548	26/10	Bán than cám 3 cho công ty nhiệt điện Quảng Ninh	155	10 10	950.000 900.000	18.500.000	
26/10	PX548	26/10	Bán than cám 6 cho công ty nhiệt điện Quảng Ninh	155	10	700.000	7.000.000	
			
			Cộng phát sinh				132.827.968.900	

Ngày 31 tháng 10 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.9:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04b8 – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
 ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

BẢNG KÊ SỐ 8

Nhập, Xuất, Tồn kho (Thành Phẩm – TK 155)
 Tháng 10 năm 2013

Số dư đầu kỳ: 125.069.109.681

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 155, ghi Có các TK				Ghi Có TK 155, ghi Nợ các TK			
Số hiệu	Ngày Tháng		112		Cộng Nợ TK		632		Cộng Có TK	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
...
PN432	25/10	Mua than cám 1 của công ty than Hà Tu	65	94.250.000	3805	10.707.500.000				
PX548	26/10	Xuất bán than cám 1 cho công ty nhiệt điện Quảng Ninh			15	22.000.000	3790	10.685.500.000
PX 548	26/10	Xuất bán than cám 3 cho công ty nhiệt điện Quảng Ninh	20	18.500.000	4950	9.008.666.400
PX548	26/10	Xuất bán than cám 6 cho công ty nhiệt điện Quảng Ninh					10	7.000.000	6500	12.544.800.000
..				
		Cộng		198.688.720.500		247.881.254.035		132.827.968.900		224.740.932.787

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

Số dư cuối kỳ: 148.209.431.92

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.10:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04a8 – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
 ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Tháng 10 năm 2013

STT	Các TK ghi Có	TK511	TK 515	TK 632	TK 635	TK 641	TK 642	TK 711	TK811	TK 911	Cộng
	Các TK ghi Nợ										
	TK111	63.005.569.600	15.901.693					203.677.089			
	TK 112	62.482.766.280	100.950.500					300.000.000			
	TK131	75.190.788.000						366.693.549			
	TK 121		25.444.678								
	TK 228		29.936.995								
	TK511									200.679.123.880	
	TK515									172.233.866	
	TK711									870.370.638	
	TK 911			132.679.123.880	11.742.264.320	4.530.199.832	11.189.340.550		533.822.456		
	...										
	Cộng	200.679.123.880	172.233.866	132.679.123.880	11.742.264.320	4.530.199.832	11.189.340.550	870.370.638	533.822.456	201.721.728.384	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.11:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản 632

Số dư đầu kì								
Nợ	Có							
		Tháng 1	· ...	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng
					132.827.968.900			
					132.827.968.900			1.268.147.412.474
					132.827.968.900			1.268.147.412.474
Số dư cuối tháng	Nợ							
	Có							

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

2.2.1.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Đó là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động bán hàng, quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về tiền lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý,...

- **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương. Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ theo bộ phận
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Giấy tạm ứng

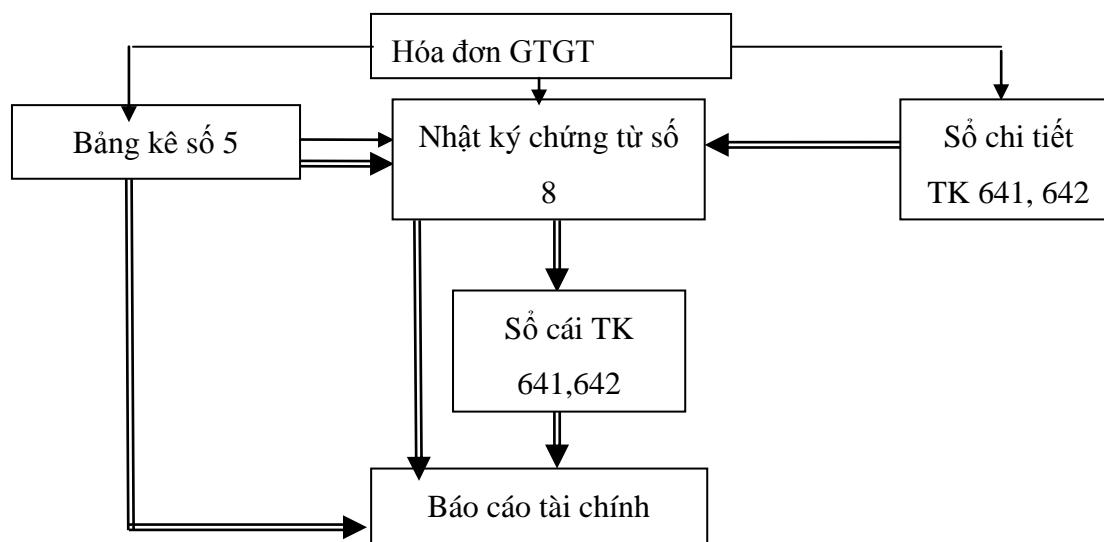
- **Tài khoản sử dụng**

- TK 641,642
- Các TK liên quan: TK 111, 112, 131, 334 ...

- **Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ chi tiết TK 641,642, Sổ cái TK 641,642
- Nhật ký chứng từ số 8

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \Longrightarrow

Ghi cuối tháng \longrightarrow

Giải thích sơ đồ:

Khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí kinh doanh dựa vào phiếu chi, HĐ GTGT và các chứng từ thanh toán, kế toán tiến hành vào sổ chi tiết, bảng kê số 5.

Cuối tháng tổng hợp vào nhật ký chứng từ số 8 và vào các sổ cái TK 641, TK642 và bảng tổng hợp chi tiết.

Định kỳ cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu từ các nhật ký chứng từ, bảng kê, các sổ cái TK và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 2.2: Ngày 31/10/2013 kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ cho bộ phận bán hàng: 850.222.540 đồng và bộ phận QLDN: 1.159.754.420 đồng.

Quy trình hạch toán:

+ Kế toán định khoản:

Nợ TK 641: 850.222.540

Nợ TK 642: 1.159.754.420

Có TK 214: 2.009.976.960

+ Kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết TK 641, TK 642.

+ Cuối tháng kế toán vào bảng kê số 5 và nhật ký chứng từ số 8, ghi vào sổ cái TK 641, TK 642.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.12:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số: S38 – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TK 641

Tên TK: Chi phí bán hàng
Tháng 10 năm 2013

Ngày tháng GS	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...			
24/10	PC 449	24/10	Chi phí vận chuyển cho công ty vận tải Hòn Gai	111	11.560.000			
30/10	PC 473	30/10	Chi phí tiền điện tháng 9 cho bộ phận bán hàng	111	32.100.000			
31/10	42009	31/10	Lương tháng 10 cho bộ phận bán hàng	334	2.550.432.667			
31/10	24006	31/10	Khấu hao TSCĐ cho bộ phận bán hàng		850.222.540			
			Cộng phát sinh		4.530.199.832	4.530.199.832		
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 10 Năm 2013

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.13:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số: S38 – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TK 642

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Tháng 10 năm 2013

Ngày tháng GS	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...					
25/10	PC 456	25/10	Thanh toán chi phí tiếp khách	111	34.500.000			
...					
31/10		31/10	Trả lương tháng 10 cho bộ phận QLDN	334	4.189.560.550			
31/10		31/10	Trích khấu hao TSCĐ cho bộ phận QLDN	214	1.159.754.420			
			Cộng phát sinh		11.189.340.550	11.189.340.550		
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 10 năm 2013

Người ghi sổ

Kế Toán

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.14:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04b5 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

BẢNG KÊ SỐ 5

Tập hợp: Chi phí bán hàng, chi phí QLDN

STT	Các TK ghi có	TK 152	TK 154	TK 214	TK 334	TK338	...	Cộng
	Các TK ghi nợ							
1	TK 641-chi phí bán hàng							
2	Chi phí nhân viên				2.550.432.667			2.550.432.667
3	Chi phí vật liệu, bao bì	230.430.966						230.430.966
4	Chi phí dụng cụ, đồ dùng		568.332.400					568.332.400
5	Chi phí khấu hao TSCĐ			850.222.540				850.222.540
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài							
7	Chi phí bằng tiền khác							
	Cộng	230.430.966	568.332.400	850.222.540	2.550.432.667			4.530.199.832
8	TK 642-chi phí QLDN							
9	Chi phí nhân viên quản lý				4.189.560.550			4.189.560.550
10	Chi phí vật liệu quản lý	560.799.320						560.799.320
11	Chi phí đồ dùng văn phòng							
12	Chi phí KH TSCĐ			1.159.754.420				1.159.754.420
16	Chi phí bằng tiền khác					1.233.450.986		1.233.450.986
	Cộng	560.799.320		1.159.754.420	4.189.560.550	1.233.450.986		11.189.340.550

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.15:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04a8 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Tháng 10 năm 2013

STT	Các TK ghi Có		TK511	TK 515	TK 632	TK 635	TK 641	TK 642	TK 711	TK811	TK 911	Cộng
	Các TK ghi Nợ											
1	TK111		63.005.569.600	15.901.693					203.677.089			
2	TK 112		62.482.766.280	100.950.500					300.000.000			
3	TK131		75.190.788.000						366.693.549			
4	TK 121			25.444.678								
5	TK 228			29.936.995								
6	TK511										200.679.123.880	
7	TK515										172.233.866	
8	TK711										870.370.638	
9	TK 911				132.679.123.880	11.742.264.320	4.530.199.832	11.189.340.550		533.822.456		
	...											
	Cộng		200.679.123.880	172.233.866	132.679.123.880	11.742.264.320	4.530.199.832	11.189.340.550	870.370.638	533.822.456	201.721.728.384	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.16:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI							
(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)							
Tài khoản 641							
Số dư đầu kì							
Nợ		Có					
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với tài khoản này	Tháng 1	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng
TK 152				230.430.966			
TK 214				850.222.540			
TK 334				2.550.432.667			
....						
Cộng số phát sinh Nợ				4.530.199.832			49.336.334.998
Tổng số phát sinh Có				4.530.199.832			49.336.334.998
Số dư cuối tháng	Nợ						
	Có						

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1.17:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC ngày
20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản 642

Số dư đầu kỳ							
Nợ		Có					
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với tài khoản này	Tháng 1	...	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng
TK152				560.799.320			
TK 214				1.159.754.420			
TK 334				4.189.560.550			
...						
Cộng số phát sinh Nợ				11.189.340.550			112.263.142.608
Tổng số phát sinh Có				11.189.340.550			112.263.142.608
Số dư cuối tháng	Nợ						
	Có						

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh năm 2013 của công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng, hưởng chiết khấu thanh toán do thanh toán sớm.

• **Tài khoản sử dụng**

TK 515 – *Doanh thu hoạt động tài chính*

TK 635 – *Chi phí hoạt động tài chính*

TK 911: *Xác định kết quả kinh doanh*

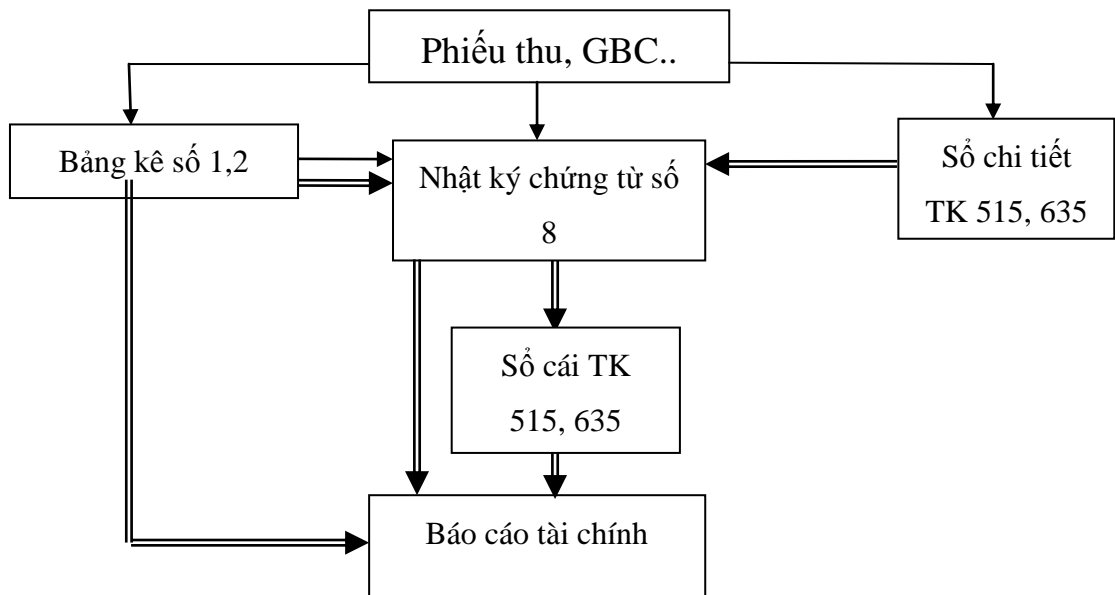
• **Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có, Giấy báo nợ, Ủy nhiệm chi
- Phiếu thu, Phiếu chi

• **Sổ sách sử dụng:**

- Bảng kê chi tiết TK 515, TK 635
- Nhật ký chứng từ số 8
- Sổ Cái TK 515, 635.

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \Longrightarrow

Ghi cuối tháng \longrightarrow

Giải thích sơ đồ:

Hàng ngày dựa vào phiếu thu, giấy báo Có và các chứng từ thanh toán, kế toán tiến hành vào sổ chi tiết, bảng kê.

Cuối tháng tổng hợp vào nhật ký chứng từ số 8 và vào các sổ cái TK 515, TK 635 và bảng tổng hợp chi tiết.

Định kỳ cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu từ các nhật ký chứng từ, bảng kê, các sổ cái TK và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.2: Ngày 31/10/2013 Công ty nhận được giấy báo Có của Ngân hàng ngoại thương Quảng Ninh về số tiền lãi gửi ngân hàng là 100.590.500 đồng.

Quy trình hạch toán:

+ Căn cứ vào GBC kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 100.590.500

Có TK 515: 100.590.500

+ Sau đó kế toán vào bảng chi tiết TK 515, bảng kê số 2 và nhật ký chứng từ số 8.

+ Kế toán vào sổ cái TK 515.

Ví dụ 2.3: Ngày 16/10/2013, Công ty thanh toán phí chuyển tiền tại Ngân hàng ngoại thương để nộp BHXH và BHYT tháng 9 năm 2013. Số tiền 10.000.000 đồng.

Quy trình hạch toán:

+ Căn cứ vào GBN kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 10.000.000

Có TK 1112: 10.000.000

+ Kế toán vào bảng chi tiết TK 635, nhật ký chứng từ số 2, số 8.

+ Kế toán vào sổ cái TK 635.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.1:

**NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG
VIETCOMBANK**

Ma GDV:
Ma KH: 244048
So GD: 96

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 10 năm 2013

Kính gửi: Công ty Cổ phần than Hà Lầm – Vinacomin.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Sô tài khoản ghi CỐ: : 0141000000365

Số tiền bằng số: 100.590.500

Số tiền bằng chữ: Một trăm triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng chẵn./.

Nội dung: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng ngoại thương Quảng Ninh.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lầm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.2:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin

Địa chỉ : Số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04b2- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 2

Ghi nợ Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

Tháng 10 năm 2013

Số dư đầutháng: 370.034.892

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ tài khoản 112, ghi có các tài khoản					Số dư cuối ngày
	SH	NT		131	3331	515	711	Cộng Nợ 112	
		
	GBC69	28/10	Công ty nhiệt điện Phả Lại thanh toán nợ T6/2013 bằng chuyển khoản	150.000.000				150.000.000	284.820.429
	GBC83	29/10	Nhượng bán ô tô tải Huyndai cho Xi nghiệp than Giáp Khẩu		30.000.000		300.000.000	330.000.000	584.895.862
	GBC96	31/10	Lãi suất tiền gửi tại ngân hàng ngoại thương Quảng Ninh			100.950.500			475.249.470
			Cộng	150.000.000	267.500.240	100.950.500	300.000.000	917.059.862	475.249.470

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm-Vinacomin)

Số dư cuối tháng: 475.249.470

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.3:

Đơn vị: Công ty Cổ phần than Hà Lâm-Vinacomin

Địa chỉ: Số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

BẢNG KÊ CHI TIẾT TK 515

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Tháng 10/2013

STT	Diễn giải	Ghi Nợ TK 515, ghi Có các TK		Ghi Có TK 515, ghi Nợ các TK		
		TK 911	Cộng Nợ TK 515	TK 111	112	Cộng Có TK 515
1	Lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	-	100.950.500	100.950.500
2	Lãi thu bằng tiền mặt	-	-	71.277.366	-	71.277.366
3	Kết chuyển thu nhập từ hoạt động tài chính	172.233.866	172.233.866	-	-	-
	Cộng	172.233.866	172.233.866	71.277.366	100.950.500	172.233.866

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.4:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04a8 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Tháng 10 năm 2013

STT	Các TK ghi Có		TK 511	TK 515	TK 632	TK 635	TK 641	TK 642	TK 711	TK811	TK 911	Cộng
	Các TK ghi Nợ											
1	TK111		63.005.569.600	15.901.693					203.677.089			
2	TK 112		62.482.766.280	100.950.500					300.000.000			
3	TK131		75.190.788.000						366.693.549			
4	TK 121			25.444.678								
5	TK 228			29.936.995								
6	TK511										200.679.123.880	
7	TK515										172.233.866	
8	TK711										870.370.638	
9	TK 911				132.679.123.880	11.742.264.320	4.530.199.832	11.189.340.550		533.822.456		
	...											
	Cộng		200.679.123.880	172.233.866	132.679.123.880	11.742.264.320	4.530.199.832	11.189.340.550	870.370.638	533.822.456	201.721.728.384	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.5:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản 515

Số dư đầu kỳ								
Nợ	Có							
		Tháng 1	Tháng 9	Tháng 10	...	Tháng 12	Cộng
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với tài khoản này								
911					172.233.866			
Cộng số phát sinh Nợ					172.233.866			763.347.812
Tổng số phát sinh Có					172.233.866			763.347.812
Số dư cuối tháng	Nợ							
	Có							

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.6:

**NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG
VIETCOMBANK**

Ma GDV:
Ma KH: 244048
So GD: 83

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 16/10/2013

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM-VINACOMIN

Mã số thuế: 5700101637

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 26027109

Số tiền bằng số: 10.000.000

Số tiền bằng chữ: MƯỜI TRIỆU ĐỒNG CHẴN.

Nội dung: Phí chuyển tiền.

Giao dịch viên
(Ký, họ tên)

Kiểm soát
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

Biểu số 2.2.7:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04a2 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày
20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2 Ghi có Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng Tháng 10 năm 2013

Số	Ngày	Ghi Có tài khoản 112, ghi nợ các tài khoản								
		111	133	138	...	311	331	...	635	Cộng Có 112
...						
	15/10						80.300.000			80.300.000
	16/10								10.000.000	
...						
	Cộng						113.250.000		10.000.000	328.224.500

Ngày 31 tháng 10 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.8:

Đơn vị: Công ty Cổ phần than Hà Lâm-Vinacomin

Địa chỉ: Số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

BẢNG KÊ CHI TIẾT TK 635

Tên TK: Chi phí tài chính

Tháng 10/2013

STT	Diễn giải	Ghi Nợ TK 635, ghi Có các TK				Ghi Có TK 635, ghi Nợ các TK	
		TK 111	TK 112	TK 335	Cộng Nợ TK 635	TK 911	Cộng Có TK 635
1	Lãi vay phải trả ngân hàng	-	-	8.215.485.020	8.215.485.020	-	-
2	Thanh toán phí chuyển tiền tại ngân hàng	-	10.000.000	-	10.000.000		
3	Lãi vay phải trả bằng tiền mặt	3.516.779.300	-	-	3.516.779.300	-	-
4	Kết chuyển chi phí tài chính	-	-	-	-	11.742.264.320	11.742.264.320
	Cộng	3.516.779.300	10.000.000	8.215.485.020	11.742.264.320	11.742.264.320	11.742.264.320

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2.9:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản 635

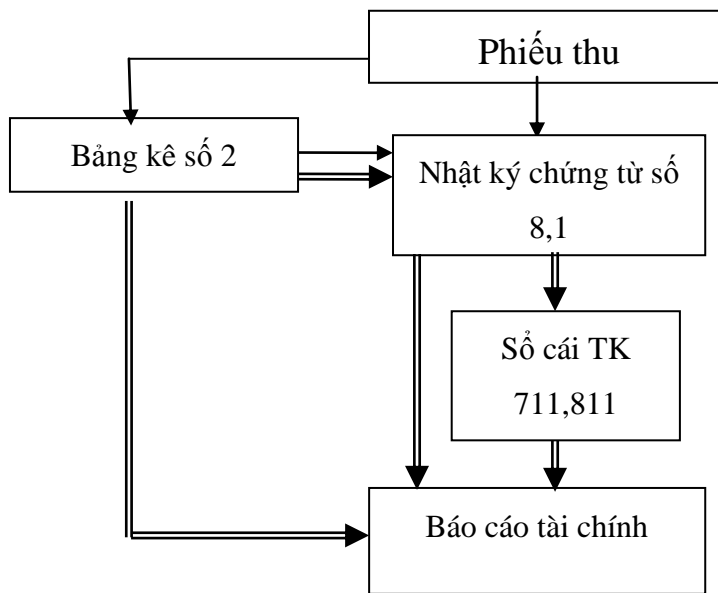
Số dư đầu kỳ									
Nợ	Có								
		Tháng 1	· ...	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng	
111					3.516.779.300				
112					10.000.000				
335					8.215.485.020				
Cộng số phát sinh Nợ					11.742.264.320				132.021.600.654
Tổng số phát sinh Có					11.742.264.320				132.021.600.654
Số dư cuối tháng	Nợ								
	Có								

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác

- **Nội dung thu nhập khác, chi phí khác của công ty**
 - Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- **Tài khoản sử dụng:** TK 711, TK 811
- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu thu, biên bản thanh lý nhượng TSCĐ...
- **Sổ sách sử dụng:**
 - Bảng kê số 2
 - Nhật ký chứng từ số 8
 - Sổ cái TK 711, TK 811
- **Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Giải thích sơ đồ:

Hàng ngày dựa vào giấy báo Có, HĐ GTGT và các chứng từ thanh toán, kế toán tiến hành vào sổ chi tiết, bảng kê.

Cuối tháng tổng hợp vào nhật ký chứng từ số 8 và vào các sổ cái TK 632 và bảng tổng hợp chi tiết.

Định kỳ cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu từ các nhật ký chứng từ, bảng kê, các sổ cái TK và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.4: Ngày 29/10 Công ty nhượng bán xe ô tô tải Hyundai cho xí nghiệp than Giáp Khẩu với nguyên giá 700.000.000 đồng, hao mòn lũy kế 240.000.000 đồng. Giá bán chưa thuế 300.000.000 đồng (thuế GTGT 10%) thu bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển đến cho xí nghiệp chi bằng tiền mặt, (trong đó VAT là 5%).

Quy trình hạch toán:

+ Căn cứ vào GBC số 83 và HĐ GTGT 0068995 kế toán định khoản:

Kế toán tiến hành hạch toán :

a) Nợ TK 214: 240.000.000
Nợ TK 811: 460.000.000
Có TK 211 :700.000.000 đồng

b) Nợ TK 112:330.000.000
Có TK 711: 300.000.000
Có TK 3331: 30.000.000

c) Nợ TK 811:5.000.000
Nợ TK 133: 250.000
Có TK 111: 5.250.000

+ Kế toán dựa vào các chứng từ vào bảng kê số 2, nhật ký chứng từ số 8

+ Kế toán vào sổ cái TK 711, TK 811

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.1:

HÓA ĐƠN		GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Liên 3: Nội bộ		Ngày 29 tháng 10 năm 2013		Mẫu số: 01GTKT3/001 QU/13P 0068995		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần than Hà Lâm-Vinacomin Mã số thuế: 5700101637 Địa chỉ: Số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh Số tài khoản: 0141000000365 Điện thoại: 033.3825339 Fax: 033.3825754										
Họ tên người mua hàng: Vũ Anh Tuấn Tên đơn vị: Xí nghiệp than Giáp Khẩu Mã số thuế: 0200741230 Địa chỉ: Hà Khánh-Hạ Long-Quảng Ninh Số tài khoản: Hình thức thanh toán: chuyển khoản										
TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền					
1	Ô tô tải Huyndai	Cái	01	300.000.000	300.000.000					
					Cộng tiền hàng					300.000.000
					Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					30.000.000
					Tổng cộng tiền thanh toán					330.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn./.										
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)				
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)										

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.2:

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG

Ma GDV:

VIETCOMBANK

Ma KH: 244048

So GD: 83

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 29 tháng 10 năm 2013

Kính gửi: Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Sô tài khoản ghi CÓ: : 0141000000365

Số tiền bằng số: 330.000.000

Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn./.

Nội dung: Tiền bán xe ô tô tải Huyndai cho Xí nghiệp than Giáp Khẩu.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.3:

Tên đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin

Địa chỉ : Số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04b2- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 2

Ghi nợ Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

Tháng 10 năm 2013

Số dư đầu tháng: 370.034.892

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ tài khoản 112, ghi có các tài khoản						Số dư cuối ngày	
	SH	NT		111	131	138	3331	...	711		Cộng Nợ 112
		
	GBC 69	10/10	Công ty nhiệt điện Phả Lại thanh toán nợ T6/2013 bằng chuyển khoản		150.000.000					150.000.000	284.820.429
....			
	GBC 83	29/10	Giá trị thu hồi bán xe ô tô tải Hyundai cho Xi nghiệp than Giáp Khẩu				30.000.000		300.000.000	330.000.000	584.895.862
			Cộng		150.000.000		267.500.240		300.000.000	917.059.862	475.249.470

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm-Vinacomin)

Số dư cuối tháng: 475.249.470

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.4:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản 711

Số dư đầu kỳ								
Nợ	Có							
		Tháng 1	...	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với tài khoản này								
112					300.000.000			
...								
Cộng số phát sinh Nợ					870.370.638			9.282.676.715
Tổng số phát sinh Có					870.370.638			9.282.676.715
Số dư cuối tháng	Nợ							
	Có							

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3.5:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản 811

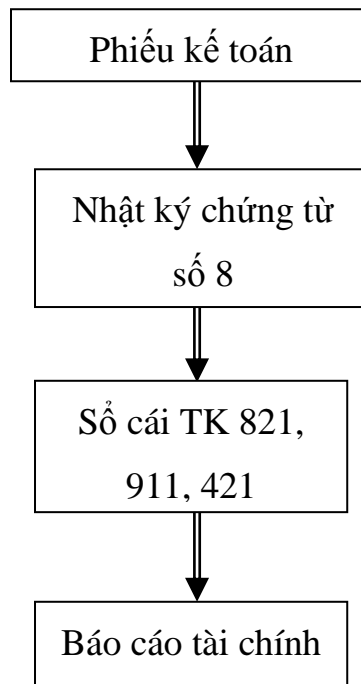
Số dư đầu kì								
Nợ	Có							
		Tháng 1	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với tài khoản này								
211					460.000.000			
111					5.000.000			
...								
Cộng số phát sinh Nợ					533.822.456			5.074.836.699
Tổng số phát sinh Có					533.822.456			5.074.836.699
Số dư cuối tháng	Nợ							
	Có							

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

2.2.4. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

- **Tài khoản sử dụng:**
TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- **Chứng từ sử dụng:**
- **Sổ sách sử dụng:**
 - Nhật ký chứng từ số 8
 - Sổ cái TK 821, 911, 421
- **Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh



Ghi chú:

Ghi cuối tháng, cuối kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ 2.5

Xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2013:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 1.838.799.844.887
đồng	
- Các khoản giảm trừ doanh thu	: 0 đồng
- Giá vốn hàng bán	: 1.521.751.036.647 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính	: 763.347.812 đồng
- Chi phí tài chính	: 132.021.600.654 đồng
- Chi phí bán hàng	: 49.336.334.998 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	: 112.263.142.608 đồng
- Thu nhập khác	: 9.282.676.715 đồng
- Chi phí khác	: 5.074.836.699 đồng

Xác định kết quả kinh doanh:

Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng – Các khoản giảm trừ doanh thu

$$1.838.799.844.887 = 1.838.799.844.887 - 0$$

Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán

$$326.084.808.240 = 1.838.799.844.887 - 1.521.751.036.647$$

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

$$4.207.840.016 = 9.282.676.715 - 5.074.836.699$$

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận gộp + doanh thu hoạt động
TC - Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp + Lợi
nhuận khác

$$37.434.917.808 = 326.084.808.240 + 763.347.812 - 132.021.600.654 -$$

$$49.336.334.998 - 112.263.142.608 + 4.207.840.016$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế} = 27.026.017.109$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.1:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S04a8 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8 Tháng 10 năm 2013

STT	Các TK		TK511	TK 515	TK 632	TK 635	TK 641	TK 642	TK 711	TK811	TK 911	Cộng
	ghi Có	ghi Nợ										
1	TK111		63.005.569.600	15.901.693					203.677.089			
2	TK 112		62.482.766.280	100.950.500					300.000.000			
3	TK131		75.190.788.000						366.693.549			
4	TK 121			25.444.678								
5	TK 228			29.936.995								
6	TK511										200.679.123.880	
7	TK515										172.233.866	
8	TK711										870.370.638	
9	TK 911				132.679.123.880	11.742.264.320	4.530.199.832	11.189.340.550		533.822.456		
	...											
	Cộng		200.679.123.880	172.233.866	132.679.123.880	11.742.264.320	4.530.199.832	11.189.340.550	870.370.638	533.822.456	201.721.728.384	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.2:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản 821

Số dư đầu kì								
Nợ	Có							
		Tháng 1	. . .	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với tài khoản này								
TK 3334					8.115.180.405			10.408.900.699
Cộng số phát sinh Nợ					8.115.180.405			10.408.900.699
Tổng số phát sinh Có					8.115.180.405			10.408.900.699
Số dư cuối tháng	Nợ							
	Có							

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.3:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản 911

Số dư đầu kỳ								
Nợ	Có							
		Tháng 1	.	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với tài khoản này			...					
TK 632					132.827.968.900			1.512.715.036.647
TK 635					11.742.264.320			132.021.600.654
TK 641					4.530.199.832			49.336.334.998
TK 642					11.189.340.550			112.263.142.608
TK 811					533.822.456			5.074.836.699
TK 821					8.115.180.405			10.408.900.699
TK 421					20.867.606.754			27.026.017.109
Cộng số phát sinh Nợ					189.806.483.217			1.848.845.869.414
Tổng số phát sinh Có					189.806.483.217			1.848.845.869.414
Số dư cuối tháng	Nợ							
	Có							

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4.4:

Đơn vị: Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin
Địa chỉ: số 1 Tân Lập-Hà Lâm-Hạ Long-Quảng Ninh

Mẫu số S05 – DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 – của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký – Chứng từ)

Tài khoản 421

Số dư đầu kỳ								
Nợ	Có							
	20.770.631.475							
Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với tài khoản này	Tháng 1	...	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 12	Cộng	
....								
Cộng số phát sinh Nợ								
Tổng số phát sinh Có								
Số dư cuối tháng	Nợ							
	Có			20.867.606.754			27.026.017.109	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin)

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN

3.1.1. Đánh giá chung

Kể từ khi thành lập, công ty đã trưởng thành và lớn mạnh không ngừng về mọi mặt trong quản lý sản xuất nói chung cũng như trong công tác kế toán nói riêng. Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong công ty, tập thể phòng kế toán đã không ngừng trau dồi nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình, để hoàn thành tốt nhiệm vụ trong công tác hạch toán của công ty.

Trong nền kinh tế thị trường đầy thử thách buộc công ty phải tự mình kinh doanh có lãi, tự chủ về tài chính, lãnh đạo của công ty đã đưa ra nhiều giải pháp kinh tế có hiệu quả nhằm khắc phục mọi khó khăn của công ty để hoà nhập với cơ chế thị trường. Kế toán doanh thu của công ty đã phản ánh chặt chẽ, toàn diện về tài sản, tiền vốn của công ty, cung cấp mọi thông tin một cách chính xác và kịp thời, phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích, lập kế hoạch và công tác lãnh đạo.

Qua một thời gian thực tập và tìm hiểu về công ty, được tiếp xúc với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin mạnh mẽ đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.1.2. Ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty. Tại các phòng ban công trường, phân xưởng chỉ cử một người trực tiếp giao dịch và làm việc với phòng kế toán chung của Công ty. Vì vậy rất thuận tiện hạch toán.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc phân công phân nhiệm. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Phần lớn nhân viên kế toán là những người đã gắn bó lâu với công ty, thuần thục các quy trình kế toán do công ty thiết lập, am hiểu chế độ, chính sách kế toán và có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.

❖ Về công tác hạch toán kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ: Hình thức này có ưu điểm là ghi chép tránh bị trùng lặp, thông tin cung cấp kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác kế toán.

- *Chứng từ sử dụng*: Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán cũng như đảm bảo quy trình luân chuyển chứng từ đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành.
- *Tài khoản, sổ sách sử dụng*:
 - Nhìn chung công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ các tài khoản và sổ sách dùng để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Các sổ sách kế toán được ghi chép rõ ràng, sạch sẽ và đúng chế độ kế toán doanh nghiệp

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Giúp xác định kết quả kinh doanh một cách hợp lý, cung cấp thông tin chính xác.

Về công tác kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết để tối đa hóa lợi nhuận.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty. Các kế toán rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được họ tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3.1.3. Nhược điểm

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vẫn còn những hạn chế nhất định:

3.1.3.1. Về hình thức kế toán

Tuy hình thức Nhật ký chứng từ phù hợp với đặc điểm của công ty nhưng mẫu số phức tạp, công kênh, sổ sách nhiều với nhiều mặt hàng đa dạng, phong phú, vì vậy khâu đối chiếu số liệu mất thời gian, đôi khi còn nhầm lẫn nên cần phải cẩn trọng.

3.1.3.2. Về hình thức thanh toán

Đa số khách hàng của Công ty đều thanh toán chậm, có những đơn hàng kéo dài thời hạn thanh toán đến hết vài tháng, do đó phần lớn vốn của Công ty bị tồn đọng nhiều ở số phải thu khách hàng song hiện nay Công ty lại không trích lập dự phòng phải thu khó đòi, điều này gây rất nhiều bất lợi đặc biệt là trong trường hợp Công ty cần vốn gấp.

3.1.3.3. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán

Công ty vẫn áp dụng kế toán thủ công dùng trên Excel nên đôi khi vẫn có những sai sót về số liệu. Vì vậy Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn, đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

3.2 SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết. Vì vậy, hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cần thiết từ đó giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN

3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình lỗ lãi thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về giá vốn,

chi phí giá thành chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức kế toán này sẽ giúp cung cấp số liệu chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

3.3.2.1. Hoàn thiện sổ sách sử dụng

Để cung cấp thông tin chi tiết, đáp ứng cho yêu cầu quản lý trong nội bộ doanh nghiệp và phục vụ cho việc lập báo cáo bộ phận thì việc theo dõi và mở các sổ chi tiết doanh thu là rất cần thiết. Công ty có thể mở các sổ chi tiết doanh thu tương ứng với mã hóa chi tiết trên tài khoản doanh thu như sau:

-Sổ chi tiết doanh thu bán hàng theo mặt hàng được lập để ghi chép hàng ngày doanh thu của từng mặt hàng, mỗi mặt hàng mở một sổ chi tiết.

-Sổ chi tiết doanh thu theo nhóm hàng: được lập trên cơ sở số liệu sổ chi tiết doanh thu theo mặt hàng vào cuối kỳ hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.3

Đơn vị :

Địa chỉ:

SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG THEO MẶT HÀNG

Nhóm hàng:

Mặt hàng:

Tháng năm

Đơn vị tính: Đồng

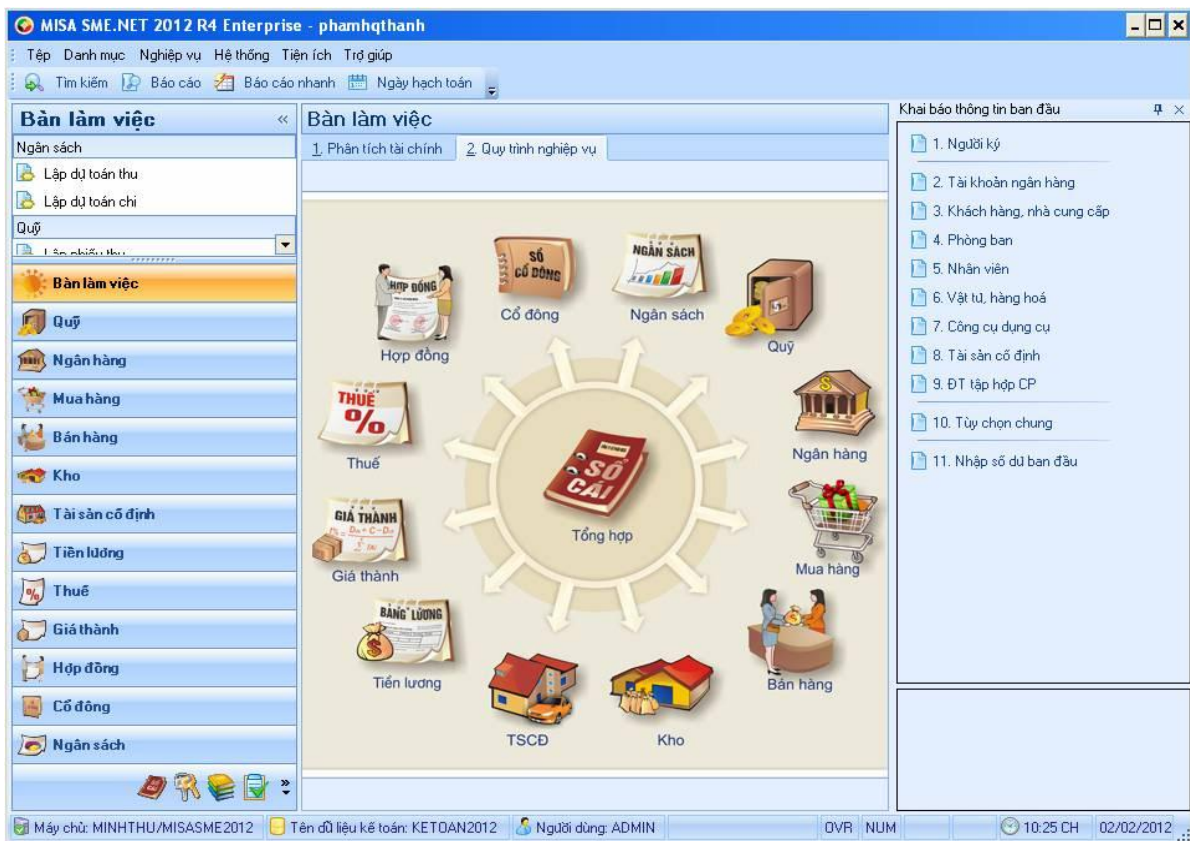
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
			Số phát sinh trong kỳ						
			Cộng số phát sinh						

Ngày tháng năm

3.3.2.2. Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán giúp kế toán đưa ra các báo cáo chính xác, nhanh chóng nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng. Sau đây em xin giới thiệu qua về phần mềm kế toán khá phổ biến ở Việt Nam:

❖ Phần mềm kế toán MISASME.NET 2012



Giá của phần mềm MISA 2012: 9.950.000đ/bản

Ưu điểm: - Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt. Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm kế toán MISA cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một CSDL độc lập.

- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong MISA rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm: - Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

❖ Phần mềm kế toán FAST

Ưu điểm:- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống như MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

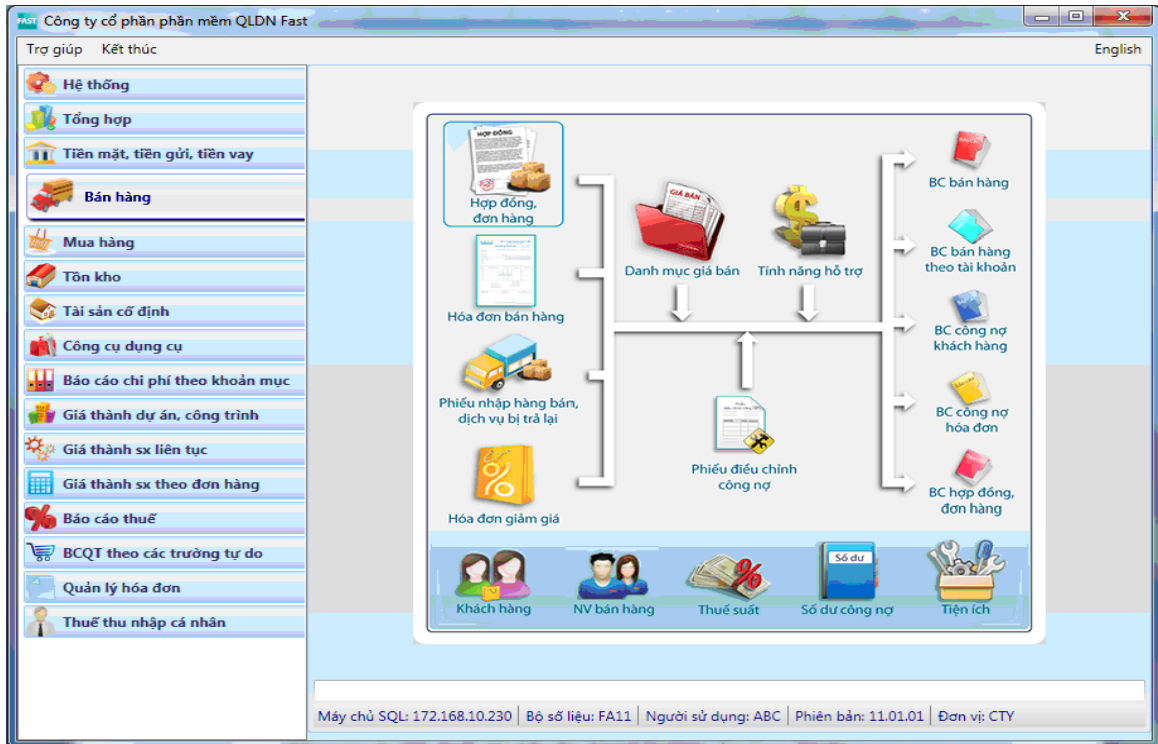
- Tốc độ xử lý nhanh.

- Cho phép kết xuất ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm: - Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

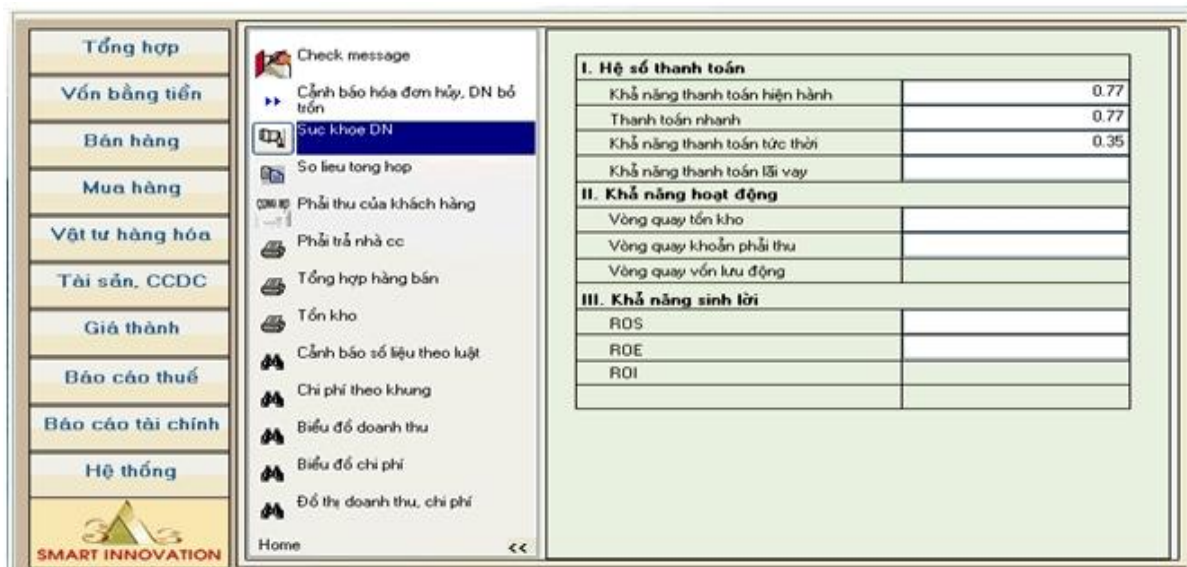
- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Giá của phần mềm FAST: 10.000.000đ/bản

❖ Phần mềm kế toán SASINNOVA 8.0



Giá của phần mềm SASINNOVA 8.0: 10.000.000đ/bản

Ưu điểm: - Có hệ thống cảnh báo phục vụ quản trị và điều hành, dễ dàng nâng cấp lên phần mềm kế toán chạy online.

- Khả năng sử dụng hai ngôn ngữ Anh – Việt song song.
- Độ bảo mật cao, ổn định khi chạy, tốc độ xử lý dữ liệu nhanh.

- Giải pháp thực hiện công việc kế toán, thuế; có khả năng cảnh báo sớm các sai sót nhằm giảm thiệt hại cho bản thân và doanh nghiệp.
- Phần mềm phát hiện những tín hiệu thành công sớm trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Trợ giúp cho BGD, các Trưởng phòng và bản thân người sử dụng nắm được những cảnh báo quan trọng liên quan đến tiền, hàng và tình trạng các hoạt động bằng email, tin nhắn trong hệ thống nội bộ.
- Phát hiện sớm các doanh nghiệp bỏ trốn, hoá đơn đầu vào của doanh nghiệp bỏ trốn nhằm tránh những rủi ro không đáng có.

Nhược điểm: - Vì có SQL nên đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

3.3.3.3. Giải pháp để tăng doanh thu, giảm chi phí

Hiện nay, các khoản phải thu của khách hàng tại công ty là rất lớn, điều này gây rất nhiều khó khăn cho công ty trong các trường hợp cần thiết mà cần vốn gấp. Vì vậy, công ty nên có những biện pháp để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh và sớm như: chiết khấu thương mại đối với những khách hàng mua với khối lượng lớn, chiết khấu thanh toán với khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hoặc thanh toán sớm hơn thời hạn thoả thuận ban đầu, áp dụng đối với cả các khách hàng thanh toán một nửa hoá đơn GTGT ngay bằng tiền mặt hoặc tài khoản ngân hàng...

Đối với khách hàng đã đến hạn phải trả nợ, công ty có thể gửi thông báo trước để nhắc nhở khách hàng thanh toán nợ. Định kỳ phải gửi bản đối chiếu công nợ đến từng khách hàng, đặc biệt với những khách hàng nợ quá hạn quá nhiều và không còn khả năng thanh toán, phải có biện pháp cứng rắn (như tỷ lệ lãi trả cho nợ quá hạn). Ngược lại, có chế độ khuyến khích đối với khách hàng thanh toán đúng hạn.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung cuốn khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin*”.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể tách rời trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ, phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty, do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty, em xin mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các cô chú trong phòng kế toán của công ty để em hoàn thiện khóa luận này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô, đặc biệt là Giáo viên hướng dẫn – Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang cùng các cô chú phòng kế toán trong Công ty Cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận.

Quảng Ninh, ngày ... tháng...năm 2014

Sinh viên

Trần Thu Hường

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – PGS. TS Nguyễn Văn Công – Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
3. Khóa luận các khóa 11,12 tại thư viện trường.
4. Các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2013 của Công ty Cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin.